
DIỄN VĂN

DIỄN VĂN KHAI GIẢNG KHÓA I TU VIỆN CHƠN KHÔNG (1971 - 1974)

*Tu viện Chơn Không
ngày mừng tám tháng tư âm lịch năm 1971*

Kính thưa quý vị,

Sở dĩ chúng tôi thành lập tu viện Chơn Không này bởi có nhiều lý do:

1. Trừ dẹp mê tín và lý thuyết suông

Việt Nam đang mắc hai bệnh nan y: phổ biến mê tín và lý thuyết suông.

Số tăng sĩ ít học muốn hoằng hóa Phật pháp, họ không có phương tiện nào khác hơn là tổ chức cúng kính, cầu an cầu siêu, thậm chí coi ngày, xem tướng, xin xăm bói quẻ, cúng sao cúng hạn, Phật sự của họ loanh quanh chỉ bao nhiêu việc đó. Song với thời chiến tranh này việc ấy rất thạnh hành, vì con người đã mất hết lòng tự tín.

Cho nên các chùa thường tổ chức cúng kính cầu nguyện, xin xăm bói quẻ, được đa số Phật tử hưởng ứng, tới lui tấp nập cúng dường sung túc. Nhưng sự thanh hành này chỉ tạm thời thôi. Vì một ngày nào đó, thái bình trở về trên đất nước, chừng ấy con người sẽ tin tưởng vào tự lực của mình. Khi đó những nơi gieo rắc mê tín sẽ bị đào thải.

Hơn nữa, Phật giáo là giáo lý giác ngộ, trái hẳn với mê tín và ỷ lại. Nếu người truyền đạo mà gieo rắc mê tín là phản bội với đức Phật vậy.

Số tăng sĩ hữu học thường dùng sự giảng kinh, thuyết pháp dạy học làm phương tiện hoằng hóa. Đối với sự truyền bá này rất hợp lý, gieo cho mọi người niềm tin Phật chân chính. Song vì nặng lòng hoằng hóa, các vị tăng này không có thời giờ tu tập. Bởi thiếu sự huân tu, nên khi xúc duyên đối cảnh, các vị tăng này không có đủ sức tự chủ. Vì thế mà sanh đắm nhiễm dục lạc thế gian, hoặc sân hận bộc phát, làm trò cười cho thức giả. Sự việc như thế là do có học mà không có hành, có hiểu biết mà không có tu, chỉ là lý thuyết suông mà thôi.

Tu viện là chỗ học ít tu nhiều, mỗi tháng chỉ học một tuần còn ba tuần thực tập. Có tu học, chúng ta mới khỏi lối “lý thuyết suông”. Có tu có học chúng ta mới có khả năng dẹp sạch phiền não của mình và dạy người dẹp trừ phiền não. Được như vậy mới hợp với đạo giác ngộ giải thoát và khơi mở sự thật để cứu khổ chúng sanh, dứt sạch mê tín dị đoan.

2. Khai thông đường lối tu hành

Phương pháp giáo dục ngoài đời, cấp Tiểu học ông thầy chỉ dạy cho học trò học thuộc lòng những bài văn, danh từ và tập viết đúng chữ trúng câu, không cần tìm hiểu nghĩa lý sâu xa. Cấp Trung học cho học sinh học tổng quát về các môn, nhưng chưa chú trọng thực hành. Đến cấp Đại học, tùy sinh viên chọn lấy một môn nào thích hợp với mình, học và thực tập hẳn môn ấy. Có thể sinh viên sau khi ra trường, mới là người hữu dụng cho quốc gia.

Phương pháp dạy đạo cũng thế, tu sĩ mới vào chùa chỉ cần học thuộc lòng kinh chú để trì tụng thôi. Sau khi đã rành kinh chú tụng niệm, tu sĩ phải học khái quát hết kinh điển quan trọng. Đến cuối cùng tu sĩ phải chọn lấy một pháp môn nào trong kinh luận mà mình thích hợp để tu hành đến chỗ chứng quả. Được vậy, sự học đạo mới có ngày viên mãn.

Song khổ thay! Phật giáo Việt Nam hiện giờ chỉ có hai giai đoạn đầu mà không có giai đoạn cuối. Cho nên có lắm tăng sĩ sau năm mười năm học đạo ở chùa, vẫn không biết mình đang tu pháp môn gì? Đó là chỗ bế tắc, khiến nhiều tăng sĩ đi giữa đường rồi lui sụt, hoặc đâm ra thụ hưởng.

Tu viện ra đời để khai thông chỗ bế tắc ấy. Tăng sĩ sau khi đã hiểu khái quát Phật giáo, muốn chuyên tâm tu Thiền hay Tịnh thì vào hẳn tu viện Thiền, Tịnh mà tu. Nơi đây sẽ khai thác triệt để phương pháp tu, khiến tăng sĩ thấy rõ đường lối tu hành của mình

cao siêu thanh thoát để vui tiến không dừng, lại tạm đủ tiện nghi để khỏi bận tâm lo nghĩ về sự sống. Nhờ đó, tăng sĩ sẽ tiến mãi không lùi và ngoài sự tu không còn nghĩ gì khác.

3. Sửa đổi sự tu sai lầm đem lại sự tu chân chánh

Phong trào học Thiền, tu thiền đang trỗi dậy trên lãnh thổ Việt Nam. Khá nhiều tu sĩ và cư sĩ đang tu thiền và đã tu thiền. Song những người đã tu ấy có nhiều người bị cuồng loạn, hoặc bệnh tật. Đó là lý do khiến nhiều người kinh sợ, cho rằng “tu thiền dễ điên”. Nhưng có biết đâu, những người nói tu thiền đó, sự thật họ không có tu thiền gì hết. Vì chính họ chưa biết thiền là gì, hướng là tu? Bởi không biết thiền, nên nghe ai dạy ngồi yên quán thế này tưởng thế nọ, họ cho đó là dạy thiền. Những tệ hại của những người tu thiền đã xảy ra, đó là bởi tu mù luyện quán gây nên.

Tu viện Chơn Không ra đời cố sửa đổi những sai lầm ấy và gây dựng lại đường lối tu thiền đúng là Thiền tông Phật giáo. Cho nên trong Tu viện áp dụng phương pháp “Thiền Giáo đồng hành”. Nghĩa là học kinh để chứng minh sự tu thiền, tu thiền để thấu rõ lời Phật dạy trong kinh. Sự tu hành không bao giờ dám sai lạc đường Phật tổ đã đi, hiện còn lưu truyền lại trong Kinh Luận.

Bởi những lý do trên, chúng tôi thấy thành lập Tu viện là điều cấp bách. Tu viện ra đời là thổi vào Phật giáo Việt Nam một luồng sinh khí mới, khiến cho tăng sĩ Việt Nam thấy rõ đường hướng tiến thủ của mình,

đồng thời đem lại cho Phật giáo Việt Nam đường lối tu tập vững chắc.

Tuy nhiên, danh từ Tu viện chúng ta thấy rải rác dựng trên mặt các ngôi chùa nhỏ có lớn có. Song, những vị trụ trì của các ngôi chùa ấy, họ chưa ý thức rõ rệt Tu viện là thế nào? Đó là chỉ dùng lầm danh từ, chứ không có thật chất Tu viện. Tu viện dùng đúng ý nghĩa của nó là chỗ đào luyện những dòng tu theo một lối tu chuyên môn của dòng ấy. Tu viện cũng là nơi chứa rất đông tu sĩ cùng một chí hướng, đồng một hạnh nguyện. Tu viện đã vạch sẵn một đường lối tu hành và sự học tập có đường hướng rõ ràng.

Đây là khái quát những lý do căn bản do sự cần ích của Tu viện, nếu đi sâu vào chi tiết thì quá nhiều, không có đủ thời giờ trình rõ cùng quý vị.

Sau khi dứt lời, chúng tôi ước mong Phật giáo Việt Nam sẽ ra đời nhiều tu viện nối gót theo tu viện Chơn Không này.

Kính chào quý vị,

Viện chủ
THÍCH THANH TỪ

PHƯƠNG PHÁP TU CỦA TU VIỆN CHƠN KHÔNG

Buổi nói chuyện hôm nay, tôi không nói những cái phát minh mới, chỉ trình bày đường lối chủ trương của Tu viện để các thiền sinh nắm vững mà tu học cho đúng, không còn nghi ngờ, và nếu có trình bày cho người học hiểu thì trình bày được chính xác và rõ ràng.

Muốn rõ đường lối tu hành của tu viện Chơn Không, thì trước hết phải nhìn lui về lịch sử Phật giáo Trung Hoa. Phật giáo Trung Hoa từ đời Tấn tới đời Đường chia ra mười tông phái. Về sau, từ đời Nguyên, đời Minh, đời Thanh còn lại có bốn tông là: Thiền, Giáo, Tịnh, Mật. Giáo trùm cả Thiên Thai tông, Hoa Nghiêm tông, Tam luận tông, Pháp tướng tông... Nói chung, các tông có chủ trương học kinh, học luật, học luận đều thuộc về Giáo. Còn Thiền tông, Tịnh độ tông, Mật tông thì có chủ trương riêng. Tuy chia ra làm bốn tông

hoàng hóa, nhưng có hai tông nổi bật là Giáo và Thiền. Giáo chỉ cho những vị tu sĩ chuyên học và trì tụng kinh điển, chùa nào học và trì tụng kinh điển thì được coi như tu theo Giáo. Còn Thiền thời bấy giờ là nhắm thẳng Thiền thoại đầu, do chư tổ dòng Lâm Tế từ đời Tống xiển dương. Hai bên Thiền và Giáo có chủ trương khác nhau nên công kích lẫn nhau. Thiền thì công kích Giáo là kiến giải suông, chỉ học hiểu mà không thực hành. Giáo thì công kích Thiền là Thiền ngu dốt, không thông giáo lý, vì Thiền chuyên tu thoại đầu chủ trương độn công phu. Nghĩa là thiền sinh chỉ tin vào vị thầy hướng dẫn, vị hướng dẫn cho một câu thoại đầu, thiền sinh phải dùng hết tâm lực khán câu thoại đầu đó cho tới ngày ngộ chứ không học kinh điển, ngoại trừ những buổi khai thị của vị thầy thì mới tham học. Do đó, hai tông có cơ để công kích lẫn nhau. Còn Tịnh độ tông và Mật tông thì có chủ trương đường lối riêng, nên ở đây không bàn tới.

Xét ra, Thiền và Giáo bên nào cũng có cái ưu, nhưng cũng không tránh khỏi cái khuyết. Giáo ưu ở học kinh điển, nhưng khuyết ở chỗ học hiểu mà không hành, chỉ đem kinh điển ra giảng nói tụng đọc thôi. Kinh Luật Phật dạy để cho người thực hành, chứ không phải dạy để giảng thuyết suông hay tụng đọc suông mà không thấy chân lý. Thiền chuyên khán thoại đầu, được cái ưu là dồn hết tâm lực trong câu thoại đầu, không bị chi phối bởi những kiến giải. Nhưng vì không học kinh điển, nên chỉ tu đến khi nào ngộ mới có thể ra giáo hóa được, nếu chưa ngộ thì lúc đó đành chịu độn công phu! Thiền được

coi là một tông phái không trọng giáo. Bởi không trọng giáo nên lâm vào cái lỗi lớn là tu mà không thông giáo lý Phật, và sau lại vấp thêm cái lỗi thứ hai nữa là: Vì không trọng giáo chỉ chuyên khán thoại đầu để chờ ngộ đạo, song mỗi pháp hội có năm bảy trăm thiền sinh, mà người ngộ đạo chỉ một hai thôi, những người không ngộ đạo thì sao? Đó chính là cái nhân làm cho Thiền thoại đầu biến các chùa Thiền tông thành Tịnh độ sau này. Tại sao vậy? Vì khi khán thoại đầu mà không ngộ thì tốt hơn là trở lại niệm Phật, vì niệm Phật nhẹ nhàng ít nhọc hơn khán thoại đầu. Thí dụ khán câu: “Niệm Phật là ai?” Thiền sinh dồn hết tâm lực vào câu hỏi mà không trả lời được, để chờ ngộ. Người khán thoại đầu thì tin vào lời của vị thầy chỉ dạy, hướng theo đó tu cho tới khi ngộ đạo, chứ không trông cậy vào kinh Phật. Về sau có nhiều người cho rằng tin Phật, nhất là Phật A-di-đà, trong bốn mươi tám lời nguyện có lời nguyện “ai niệm danh hiệu ngài sẽ được ngài đón về Cực lạc”. Tin và Tu như vậy dễ hơn. Do đó, người tu thiền dần dần chuyển sang Tịnh độ. Chính ở Việt Nam các chùa Thiền tông sau này biến thành chùa Tịnh độ cũng vì lý do đó. Không phải ai khán thoại đầu cũng đều ngộ, nếu không ngộ thì cả đời tu không sáng sủa. Hai tông Thiền, Tịnh đều có cái ưu và cái khuyết, Tịnh độ ưu là tin vào đức Phật A-di-đà, khuyết là cõi Cực lạc thì quá xa. Còn Thiền thoại đầu khuyết là không tin Phật mà chỉ tin vào vị thiền sư hướng dẫn, ưu là ngộ ngay nơi chính mình. Đó là ưu khuyết của hai tông Thiền, Tịnh. Về sau Tịnh độ có phần hưng thịnh vì Thiền thoại đầu thiền sinh tu lâu ngày thấy nhọc nhằn mà không ngộ đạo, lần lần

chuyển sang Tịnh độ niệm Phật nhẹ nhàng dễ hơn. Đó là lý do mà người sau phải suy nghĩ.

Giáo thì nặng về kinh, chỉ học và trì tụng thuyết giảng suông mà không ứng dụng tu hành. Thiền thì chỉ khán thoại đầu mà không chịu học kinh, vì học kinh điển sợ trở thành kiến giải. Cả hai đều có tính cách thái quá, cho nên tu viện Chơn Không chủ trương Thiền Giáo song hành. Về Giáo, thiền sinh phải học kinh, luận, sử. Về Thiền thì phải thực nghiệm tu tập. Các thiền sư thường nói Giáo là lời Phật nói hay là miệng của Phật, Thiền là tâm của Phật, tâm và miệng của Phật không hai. Vì tâm và miệng của Phật không hai nên Thiền và Giáo không hai, vì vậy tu viện Chơn Không chúng tôi chủ trương Thiền Giáo song hành. Từ lâu tôi thường nói với tất cả thiền sinh rằng: Đối với Tam bảo, tôi có niềm tin rất sâu, cho nên lúc nào cũng gắng làm cho ngọn đèn Phật pháp sáng tỏ, không muốn bị lu mờ. Nếu chúng ta chuyên tu Thiền thoại đầu thì quên học kinh luận, mà quên học kinh luận thì vô tình phước Pháp, mười người tu thoại đầu chắc gì mười người ngộ, hay năm người ngộ, hay một hai người ngộ? Nếu không ngộ thì ngọn đèn Phật pháp dần dần tắt mất, đó là điều tu sĩ chúng ta phải thận trọng.

Ở Việt Nam, trong thời chúng tôi tu học thì Phật giáo chia tổng quát làm ba nhóm (chia thành nhóm chứ không chia thành phái). Nhóm thứ nhất lấy kinh điển Phật làm nghề sinh nhai, đi tụng tán để có tiền sinh sống, được gọi là Thầy cúng Thầy đám, nhóm này cũng khá đông. Nhóm thứ hai là những người tốt, nhưng vì

ít học ham tu nên nặng về tín ngưỡng, tu một cách mù quáng, tu mà không hiểu giáo lý, cho nên chỉ biết cúng rằm cúng vía, tụng kinh tính bộ, lạy tam thiên Phật, lạy Pháp Hoa từng chữ. Tu nhiều là cúng nhiều, lạy nhiều, tụng nhiều. Đó là chủ trương của nhóm thứ hai, gồm một số chùa ở thôn quê và ở thành thị cũng có. Nhóm thứ ba là những người học có cấp bằng, hiểu giáo lý đạo Phật như triết học. Đó là trường hợp của chúng tôi học ở Phật học viện, học rất nhiều môn, học có chương trình, có thi cử đàng hoàng. Bởi lo thi cử nên ai nấy cắm đầu học, học để thi lấy bằng! Rốt cuộc trong khi học giáo lý Phật, cũng không có thì giờ để tu. Việc tu thì gượng gạo, một ngày hai mươi bốn giờ, một hai thời công phu cho qua ngày thôi, chứ không có sự chuyên tu. Đến khi mãn khóa học ra trường phải đi giảng dạy, mà giảng dạy thì phải tổ chức. Vừa lo giảng dạy vừa lo tổ chức cho giáo hội nên cũng không có thì giờ tu. Vậy nhóm thứ ba này được ưu điểm là có học, nhưng lại cũng thiếu tu.

Hội Hội Phật học Nam Việt cất chùa Xá Lợi, có xin Sư cụ Pháp chủ Khánh Anh hai câu đối để ghi trong giảng đường. Sư cụ cho hai câu: *Học mà không tu là đã dựng sách, tu mà không học là tu mù.*

Hai câu đối đó, đến nay vẫn còn ghi ở giảng đường chùa Xá Lợi. Sư cụ nhắm hai nhóm người: nhóm nặng tín ngưỡng ham tu mà không học, lạy cúng tụng lễ lạy làm trên, tu một cách mù quáng, và nhóm nữa là ở Phật học viện, học cốt ghi nhớ cho nhiều để ra giảng dạy lo làm việc không tu được gì hết, giống như cái dây

đựng sách. Đó là tệ trạng Phật giáo Việt Nam lúc bấy giờ, chính tôi là người trong cuộc. Suy nghiệm thấy cái lỗi thiếu sót của mình nên tôi nhập thất chuyên tu và chủ trương lập Tu viện. Tôi lập Tu viện mà không cất chùa, vì sợ cất chùa Phật tử tưởng như các chùa khác sẽ mời đi cúng đi tụng. Và để tránh hai cái lỗi: học trở thành cái đũa đựng sách, tu mà không biết Phật tổ dạy cái gì cứ tu mù. Nên tôi dung hội cả học lẫn tu để hướng dẫn cho thiền sinh trong Tu viện. Vì học mà biết ứng dụng sở học để tu thì không phải là cái đũa đựng sách, vì tu mà có học hiểu thông suốt giáo lý nên không phải là tu mù. Như vậy, chủ trương mà tu viện Chơn Không đang thực hiện là “Thiền Giáo song hành”.

Học ở Phật học viện thì phải nhớ, phải thuộc để thi cử. Còn học ở Tu viện là để hiểu tự tham cứu tu hành, không bắt phải nhớ, phải làm bài, phải thi cử. Bởi học phải nhớ phải làm bài, phải thi cử nên tâm bị rối, còn học để ứng dụng tu hành thì không có gì phiền bận. Ở đây, tôi giảng kinh, luận, sử cho quý vị nghe, ai nhớ được bao nhiêu thì nhớ, và nhớ được bao nhiêu ứng dụng tu bấy nhiêu. Học để thi cử và học để tu khác nhau ở chỗ đó. Vì vậy, Tu viện chủ trương tu “Tri vọng” chứ không dạy khán thoại đầu. Tại sao? Vì học và tu song hành, nếu khán thoại đầu là phải bỏ học, mà bỏ học tức nhiên phế giáo, nên không thể ứng dụng thoại đầu được, đó là lý do thứ nhất. Lý do thứ hai như tôi đã kể, tôi không phải là người được kế truyền tông Lâm Tế, nên tôi không dạy tu thoại đầu. Vì chủ trương của Thiền thoại đầu là lấy ngộ làm chỗ cứu cánh. Nhưng ngộ thì phải nhiều lần, giải ngộ thì vô số,

tiểu ngộ thì năm bảy lần, chứ không phải ngộ một lần là xong. Cho nên người tu Thiền thoại đầu đến chỗ cứu cánh là triệt ngộ, đó mới là người xuất cách, có thể hoằng hóa được. Ở đây, chúng tôi chủ trương tu là “tĩnh giác” chứ không nói ngộ. Quý vị phải hiểu cho thật kỹ chỗ này. Tĩnh giác là lúc nào cũng biết đúng không lầm. Từ lâu chúng ta nhận lầm cái tứ đại này là thân mình, cái suy tư nghĩ tưởng, cảm thọ phân biệt là tâm mình. Vì cho tứ đại hư giả là thân mình, vọng tưởng là tâm mình, nên bị nó sai sử chạy hết nơi này đến chỗ nọ. Khi biết rõ nó là duyên hợp hư giả, là vọng tưởng không phải là mình (ngã) đó là tĩnh. Nếu quên, nhận cái vô thường sanh diệt đó là mình, để nó dẫn đi đó là mê. Một phút tu là một phút tĩnh, tĩnh từng phút từng giây nên không có cái ngộ mạnh mẽ như khán thoại đầu. Thứ đến là trong khi học kinh nghe lời Phật tổ dạy có thể tĩnh, nhận ra cái nào chân cái nào giả, đó là tĩnh giác chứ không phải đại ngộ. Tĩnh là biết các pháp không phải thật, còn cái thật thì chưa nhận ra. Vậy nên, đường lối tu ở đây là hằng tĩnh hằng giác. Bởi vì lâu nay chúng ta quen thấy cái gì cũng thật, mà vạn vật nguyên là duyên hợp hư dối, thấy nó thật là mê. Bởi mê cho nên đuổi theo vật chạy hết chỗ này đến chỗ khác, do đó mà khổ đau. Bây giờ tĩnh giác, thấy rõ các pháp đều duyên hợp hư dối. Hoặc là quán cảnh vật huyễn hóa, hoặc quán sắc thân duyên hợp hư dối, hoặc quán vọng tưởng không thật cũng là huyễn. Như vậy trong giờ phút nào cũng sống trong sự tĩnh giác, đó là tu.

Còn Thiền thoại đầu, khi tham thiền thì chết sống với câu thoại đầu, lúc đó dồn hết tâm lực vào câu thoại đầu,

không tỉnh không giác. Trong thời gian khối nghi chưa vỡ, thiền sinh ở trong trạng thái tối tăm, vì vậy khi ngộ thì mạnh mẽ. Còn tu *Tri vọng* do tỉnh giác từng phút giây, cho nên có tỉnh thêm chút nữa cũng thường, không thấy quan trọng. Song, giờ nào tu giờ đó tỉnh. Giả sử trong Tu viện năm mươi người tu, năm mươi người đó tuy chưa triệt ngộ, nhưng có tỉnh giác thì tu hành có tiến, do điều phục được phiền não, nên có đủ niềm tin và nương theo lời Phật tổ vẫn có thể giảng dạy cho người sau cùng tu tập. Đó là điểm đặc biệt. Nếu tham thoại đầu mà chưa ngộ, thì không dạy được, vì đang dồn tâm lực vào câu thoại đầu. Do đó, có những vị thiền sinh lo tu quên cắt móng tay, râu tóc ra dài, tham thiền quên hết mọi việc, nên khi chưa ngộ thì không làm gì cả. Ở đây, Tu viện chủ trương phải thường xuyên tỉnh giác, tuy chưa chứng ngộ, nhưng giác ngộ tới đâu thì chỉ dạy người sau tu tới đó, mà y theo lời Phật tổ dạy chứ không phải dạy riêng theo ý mình. Vậy, chủ trương của tu viện Chơn Không chẳng phải chỉ chuyên tu mà không có sự lợi tha. Còn người tham thoại đầu hoặc năm năm, mười năm, hai mươi năm mới ngộ, đó là người có phước lớn. Còn nếu tu năm năm, mười năm, hai mươi năm mà không ngộ coi như cuộc đời chịu chết trong độn công phu. Vẫn biết rằng không ngộ thì thôi, nhưng chưa ngộ thì cả đời tu không làm được gì lợi ích cho đời. Hơn nữa, thời cuộc không cho phép người tu ai đến học đạo cũng bảo “Tham đi” mà cần phải lý giải, lý giải thì phải học, vừa học vừa tu. Khán thoại đầu kẹt ở chỗ không học, ngoại trừ những người học rồi, chỉ chuyên tu thì được. Đó là sự khác biệt của đôi bên.

Chủ trương tu *Tri vọng* của tu viện Chơn Không xuất xứ từ đâu? Đó là vấn đề quan trọng. Sau này có một số người lầm cho rằng: Tu theo Tổ sư thiên là phải khán thoại đầu, tu mà học kinh luận thì không phải Thiên Tổ sư. Đây, tôi xin đặt câu hỏi: Ngũ tổ Hoàng Nhãn có phải là Tổ sư không? Ngài đã từng dạy đệ tử tụng kinh Kim Cang và cũng từng giảng kinh Kim Cang cho Lục Tổ nghe và ngộ đạo. Vậy, ngài là Tổ sư hay chẳng phải Tổ sư? Hiện tại có một số người cứ cho rằng khán thoại đầu mới là Tổ sư thiên, không khán thoại đầu không phải Tổ sư thiên, đó là điều lầm lẫn rất lớn. Lại, có người cho rằng học kinh không thể ngộ đạo, điều đó cũng không đúng. Chính ngài Huyền Giác trước do xem kinh Duy-ma-cật mà ngộ đạo, sau mới tới Lục Tổ để ấn chứng. Học kinh không ngộ là vì theo lối học từ chương để thi cử. Người do tu tập tâm dần dần thanh tịnh, đọc qua kinh Phật hoát nhiên tâm sáng ra nhận được lý chân thật. Như trường hợp ngài Huyền Sa nhập thất tu, ngài nghiên cứu kinh Lăng-nghiêm mà ngộ đạo, hoặc như ngài Pháp Loa thuộc phái Trúc Lâm Yên Tử cũng do đọc kinh Lăng-nghiêm mà được ngộ. Như vậy, quan niệm tu thiên học kinh không ngộ là không đúng. Học kinh bằng cách vừa nghiên cứu vừa tu, thì có thể nhân nơi kinh mà ngộ đạo. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, ngài Pháp Đạt chưa thấy đạo đến hỏi lý kinh Pháp Hoa. Sau khi được Lục Tổ giải nghi, ngài nhận được yếu chỉ, ngài mới hỏi rằng: “Hiểu được lý kinh khỏi trì tụng được chăng?” Lục Tổ đáp: “Kinh đâu có làm chướng ngại ông.” Vậy, Tổ bảo tụng kinh hay không tụng? Đạt được lý, đọc kinh có hại gì? Như vậy, Ngũ Tổ đã dạy đệ tử tụng kinh. Lục Tổ

cũng đâu có cảm tụng kinh. Lục Tổ ngộ đạo từ nơi kinh Kim Cang, cho nên trong bài kệ Vô tướng của Lục Tổ có câu: “Tông thông cập thuyết thông, như nhật xử hư không”. Tông là Thiền mà thuyết là Giáo, Thiền và Giáo cả hai đều thông suốt giống như mặt trời giữa hư không sáng rõ. Để thấy, chủ trương của chư tổ đâu có phế bỏ kinh. Người sau không nghiệm tới nguồn gốc, cứ nhắm mắt mà lớn tiếng công kích, thật là một việc làm quá sai lầm! Tông Tào Động, tông Lâm Tế, tông nào không phải là Tổ sư thiên? Ngài Đại Huệ thuộc tông Lâm Tế chỉ trích tông Tào Động về “mặc chiếu”, vậy chủ trương của tông Tào Động có sai không? Sự công kích đó chẳng qua là do tinh thần ức dương của người truyền đạo, cứ đề cao sở trường của mình, và đề bẹp pháp tu của kẻ khác. Nếu có người tới hỏi đạo, mà khen pháp tu của kẻ khác thì làm sao trình bày được sở trường của mình. Ai không biết pháp tu Tịnh độ và tu Thiền đều từ kinh Phật dạy? Vậy mà có người tới hỏi Thiền với vị tu Tịnh độ liền bị dọa coi chừng điên, tu Thiền khó lắm, mà khen pháp tu Tịnh độ. Còn người tu Thiền thì nói Tịnh độ quá nặng tín ngưỡng, tu còn mượn phương tiện, không mạnh. Đó là do tinh thần ức dương của người truyền đạo. Người sau thấy ngài Đại Huệ bác “mặc chiếu” của tông Tào Động, tưởng tu “mặc chiếu” là sai, đó là một cái lầm lớn của người sau, không chịu nghiên cứu tường tận. Nghe người trước khen chê thì theo đó mà khen chê, chứ không hiểu được gốc ngọn. Đường lối của tu viện Chơn Không là *Thiền Giáo song hành*, nếu hiểu đúng làm đúng thì đâu có khác chủ trương *tông thông thuyết thông* của Lục Tổ, tông thông thuyết thông như mặt trời chiếu sáng giữa

hư không có lỗi lầm gì? Đó là chủ yếu mà người tu phải hiểu phải thấy cho thật rõ. Do đó, khi lập Tu viện, tôi chủ trương *Thiền Giáo song hành*, hai bên phải nương nhau, nương Giáo để thông Thiền, nhờ tu thiền sáng được kinh. Cả hai hỗ tương nhau chứ không tách rời. Nhờ vậy, nếu chưa tu được viên mãn vẫn có thể nêu cao ngọn đèn chánh pháp chứ không làm cho tắt mất. Nhờ có Giáo làm nền tảng căn bản thì không xiển dương theo ước thuyết. Nếu chỉ khán thoại đầu, không học kinh, nghi tình chưa vỡ làm sao dám ra giảng dạy? Nên hiểu đường lối tu hành ở đây là vừa học vừa tu, vừa có thể hoằng hóa. Cái thấy biết của mình là nương nơi cái thấy biết của Phật tổ, đồng thời chiêm nghiệm ứng dụng lời Phật tổ để thấy rõ lẽ thật của các pháp.

Ngài Huệ Khả thưa tổ Bồ-đề-đạt-ma:

- Tâm con bất an, xin Thầy dạy con phương pháp an tâm.

Tổ Bồ-đề-đạt-ma nhìn thẳng vào mặt Huệ Khả bảo:

- Đem tâm ra đây ta an cho.

Huệ Khả sửng sốt nhìn lại không thấy tâm, thưa:

- Con tìm tâm không thể được.

Tổ Bồ-đề-đạt-ma bảo:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Huệ Khả liền khế ngộ.

Huệ Khả nói tâm bất an là nói cái vọng tâm xao xuyên rồi bởi mà lâu nay ai cũng chấp nó là tâm mình, nên thấy bất an. Và khi Sơ Tổ bắt chúng ta nhìn thẳng

vọng tâm thấy nó tự tan biến lặng lẽ, tức biết nó hư vọng thì tâm an. Vậy, chủ trương *Biết vọng* có căn cứ rõ ràng không phải ức thuyết.

Một hôm, ngài Huệ Khả bỗng nhiên đại ngộ, bạch với tổ Bồ-đề-đạt-ma:

- Nay con các duyên đều bật.

Tổ Bồ-đề-đạt-ma nói:

- Coi chừng lạc vào không.

Huệ Khả thưa:

- Con thường biết rõ ràng nói không thể đến.

Tổ Bồ-đề-đạt-ma nói:

- Đây là chỗ truyền của chư Phật, chớ nên hồ nghi.

Vậy, vọng tưởng lặng thì cái *liễu liễu thường tri* hiện tiền, đó là chỗ cứu cánh viên mãn, gọi là như như.

Tu *Biết vọng* cho chúng ta kinh nghiệm là nhìn mình càng kỹ thì thấy lỗi mình càng nhiều. Tôi thí dụ, có một đài cổ Phật, mà tượng cổ Phật bị quỷ khiêng quăng mất, còn cái đài trống nên ngày nào quỷ nó cũng nhảy lên múa hát. Bấy giờ, có người phát tâm sùng bái, liền thỉnh tượng cổ Phật an vị trên đài. Vừa để tượng lên là quỷ nó đem quăng xuống, thành thử an vị không được. Họ mới cầu cứu các thầy tu tới trị giùm con quỷ. Thầy tu Tịnh độ viết sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật dán lên cái đài, quỷ nó hơi sợ, thầy dán xong thầy đi, quỷ giật tượng cổ Phật xuống, leo lên đài múa may nữa. Thầy tu Mật tông đến dán câu chú “Án ma ni bát di hồng”, nó cũng sợ nhưng khi thầy đi vắng, nó cũng

giật tượng xuống trời đầu lên nhảy múa. Thiên sư tới dán câu “Niệm Phật là ai?”, dán rồi lại lơ lơ là là, nó cũng giật tượng cổ Phật xuống leo lên nhảy múa nữa. Một Thiên sư khác tới, vị này không viết không dán, mà ngồi đó, đưa nào trời đầu lên, ông chỉ vào mặt nó nói: Mày là quỷ! Nó thụt đầu lặn mất. Lúc đầu nó có sợ, nhưng khi nào ông ngó lơ nó lại trời đầu lên múa nhảy. Nên ông phải ngồi đó mà canh chừng hoài. Vậy trong các sư trị quỷ, vị nào công hiệu hơn? Vị nào cũng công hiệu nhưng phải có mặt thường trực, nếu không có mặt thường trực thì hết công hiệu.

Tu Thiên thoại đầu cũng phải chăm chăm không lơ lửng mới có công hiệu. Tu Tịnh độ niệm Phật cũng phải chuyên chú không quên mới có công hiệu. Tu Mật tông trì chú miên mật, không gián đoạn mới có công hiệu. Còn Thiên biết vọng luôn luôn phải tỉnh phải giác mới có công hiệu. Vậy, pháp môn nào cũng không dễ. Các pháp tu có đề mục xem chừng như dễ tu, Thiên thoại đầu có câu thoại đầu để khán, Tịnh độ có câu Nam-mô A-di-đà Phật để nhớ, Mật tông có câu chú để trì. Nhờ nương vào phương tiện mà quên nghĩ nhớ đến những việc khác, vọng tưởng không khởi. Còn tu *Biết vọng* dùng trí nhìn thẳng, không có phương tiện để nương, mới tu xem chừng khó, những tật xấu, những tưởng bậy muôn đời muôn kiếp cứ trở dậy, thấy rõ ràng thì ra mình xấu xa, tu dở quá! Nói khó nói dễ là do nhận định thiếu cận, thật sự thì pháp này cũng như pháp kia; khán thoại đầu, niệm Phật, trì chú, nhờ bám sát phương tiện để dùng vọng tưởng, nên không thấy

vọng tưởng khởi. Nhưng nếu tu không chuyên, lơ lửng thì vọng tưởng cũng trôi lên thành dở. Tri vọng thì dùng trí nhìn thẳng, mọi vọng niệm tốt xấu trôi lên, ngay đó thấy tường tận. Đó là chỗ ách yếu, thiền sinh tu phải biết rõ. Tuy nhiên, đối với người sơ cơ, tu nương theo phương tiện thì dễ thực hành hơn là *Biết vọng*, vì dùng trí nhìn thẳng nên đòi hỏi người sống mạnh về trí. Biết vọng tưởng, vọng tưởng lặng thì nó tự chân.

Xét về phương tiện, pháp môn niệm Phật được giải thích “đạp gai lấy gai mà lể”, khán thoại đầu thì nói “dùng độc để trị độc”. Vì đúng tinh thần của đạo Phật, tu đến chỗ rốt ráo là vô niệm, còn niệm là còn sanh tử, dù là niệm ác hay niệm thiện. Lục Tổ khai thị Huệ Minh: “Không nghĩ thiện không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Nghĩ thiện nghĩ ác đều là niệm, mà còn niệm thì không phải là bản lai diện mục, còn niệm là còn bệnh. Vì vậy, niệm Phật hay trì chú được xem như dùng gai để lể gai, dùng cây gai niệm Phật để lể những cây gai vọng tưởng điên đảo khác. Các cây gai vọng tưởng được lể hết thì cây gai niệm Phật phải bỏ luôn. Nếu những cây gai vọng tưởng được lể hết rồi, mà cây gai niệm Phật còn giữ lại cũng còn bệnh. Cho nên dùng phương tiện tu phải biết cho tường tận. Do đó, trong nhà thiền nói con mắt bị bụi dơ bám thành bệnh, mà mặt vàng tuy quý rơi vào cũng bệnh, con mắt trong suốt không bị dính một vật gì mới lành mạnh. Pháp môn niệm Phật, phải niệm tới chỗ vô niệm, tức là câu A-di-đà Phật cuối cùng cũng buông luôn. Tâm nhất như mới là chỗ cứu cánh.

Tu thoại đầu được coi là “dùng độc trị độc”. Tại sao gọi là độc? Vì khán thoại đầu là để khởi nghi một vấn đề không trả lời được. Mà nghi là một trong sáu món căn bản phiền não, dùng phiền não để tu là dùng độc chứ gì? Khi nghi một vấn đề gì mạnh thì quên hết những việc khác. Các Tổ kinh nghiệm, dùng nghi để lấn áp, đối trị loạn tưởng, nên các ngài mới đưa ra câu nghi vấn “niệm Phật là ai?” hay “trước khi cha mẹ chưa sanh ta là cái gì?” hoặc “tất cả trở về một, một trở về chỗ nào?” Bất cứ câu nào miễn nghi vấn mạnh thì nó lấn át hết mọi loạn tưởng khác, lần lần nó kết thành khối, khối nghi vỡ vọng tưởng hết thì ngộ đạo. Đó là dùng độc nghi để trừ vô số độc vọng tưởng. Nếu nghi tình chưa vỡ thì cứ ở trong trạng thái nghi, mà còn nghi thì không làm gì được. Như vậy, để thấy rõ mỗi pháp tu có công hiệu riêng của nó. Tu thoại đầu, niệm Phật hay trì chú thì nặng về tín (tin). Còn tu tri vọng thì nặng về trí, dùng trí thấy rõ không lầm, nên hằng tỉnh hằng giác từng phút từng giây. Nếu quên thì tình sống dậy, tình sống dậy thì trí mờ đi. Cho nên tu muốn tiến, phải khéo tỉnh giác luôn luôn, thiếu tỉnh giác thì tu không tiến được.

Tu *Biết vọng*, với những người sơ cơ, khó tin mình hết vọng tưởng, chỉ có những người đã nhận ra “ông chủ” mới tin mình có thể hết vọng tưởng, vọng tưởng hết tâm chân hiện, không nghi ngờ. Còn người chưa nhận ra “ông chủ”, khi vọng tưởng lặn rồi phải biết rằng vọng tưởng lặn tức tâm thể như như. Nhiều người tu chú tâm vào một chỗ để cho yên, có khi kẹt

trong cái yên đó gọi là si định (định không sáng). Vậy nên, vọng tưởng lặng phải biết đó là tâm thể như như, để không mắc kẹt trong si định. Cái lặng lẽ là tâm thể như như hiện tiền, nó liễu liễu thường tri thì không bị kẹt ở trong vô ký.

Tu *Biết vọng* có thể vấp một lỗi nữa là lo tìm tâm cho vọng tưởng lặng, thở không sâu nên lói nơi ngực bèn cho là đau tim. Giai đoạn đầu tu hơi thở rất quan trọng, phải thở sâu tới bụng dưới, chú ý hơi thở nhẹ, đều, dần dần vọng tưởng dấy biết là vọng tưởng, không theo. Tu như vậy là không sai, không bệnh.

Tu *Biết vọng* nếu cảm thấy buồn hoặc đau đầu có thể khởi quán, quán có hai cách:

- *Quán không*: Là quán tất cả pháp duyên sanh như huyễn, thân duyên sanh như huyễn, cảnh duyên sanh như huyễn không thật. Quán xét rõ ràng tường tận, quán mãi như vậy, đó là pháp “đoạt cảnh bất đoạt nhân” của ngài Lâm Tế.

- *Dùng quán tu chỉ*: Quán tất cả pháp như huyễn không thật, nên không để tâm nghĩ tưởng. Niệm vừa khởi liền quán tất cả pháp như huyễn thì vọng niệm tự lặng, nếu vọng niệm khởi nữa cũng quán như vậy, thì tâm được an định. Chẳng những quán lúc ngồi thiền, mà đi đứng làm việc cũng quán như thế. Đó là trước quán sau chỉ. Như kinh Viên Giác dạy tu chỉ quán ghép, chỉ trước quán sau, nhẹ vui, ít buồn. Nhìn thẳng vọng niệm hoài thì buồn nên tùy sự tu tiến mà ứng dụng.

Đó là điều thiết yếu của đường lối tu của tu viện Chơn Không. Người sở dĩ không hết vọng tưởng là vì công phu chưa viên mãn. Nếu như thế mà tu tập nhất định vọng tưởng lần lần thưa, vọng tưởng thưa rồi sẽ hết, không nghi ngờ.



**DIỄN VĂN KHAI GIẢNG
THIỀN VIỆN CHƠN KHÔNG - BÁT NHÃ
KHÓA II - 1974**

- Kính bạch Hòa thượng chứng minh.
- Kính thưa chư Thượng tọa, Đại đức tăng ni.
- Kính thưa quý quan khách và toàn thể Phật tử.
- Thưa quý vị,

Thấm thoát đã ba năm qua, hôm nay là ngày thiền viện Chơn Không vừa làm xong một nhiệm vụ đầu tiên, và bắt đầu đặt lên vai nhiệm vụ thứ hai kế tiếp. Sự kết quả hoàn mãn của khóa học Thiền thứ nhất, là một hình ảnh trưởng thành cụ thể của thiền viện Chơn Không. Mặc dù với sĩ số không quá mười thiền sinh chính thức và mười vị dự thính. Thiền viện Chơn Không ra đời để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho Phật giáo Việt Nam hiện đại, cũng là bổ cứu phần nào cho đa số Phật tử hiếu tu

có nơi nương tựa. Tuy nhiên một trọng trách quá nặng nề mà do chủ xướng của một cá nhân, thì không sao chu đáo được. Dù thế chúng tôi còn được một nguồn an ủi lớn lao là trên có một vài vị Hòa thượng, Thượng tọa lân mẫn ủy lạo, dưới được đa số Phật tử ủng hộ. Do đó chúng tôi đảm đang được một việc tưởng chừng như quá sức của chúng tôi. Sự thành đạt viên mãn khóa Thiền đầu tiên này thật do lòng nhiệt thành hộ đạo của quý vị. Chúng tôi thành thật tri ân quý vị.

Hôm nay đã kết thúc khóa một, lý đáng thiền sinh trong khóa này phải khăn gói chống gậy xuống núi. Song xét thấy trong ba năm qua, chúng tôi chỉ giúp thiền sinh được niềm tin vững chắc đối với pháp môn “tức tâm tức Phật” mà thôi. Thiền sinh cần có hoàn cảnh thuận tiện để hạ thủ công phu thời gian ba năm họa chăng mới được chút ít đạo lực. Vì thế, chúng tôi quyết định cho những thiền sinh mãn khóa ở lại Thiền viện ba năm, hoặc nhập thất, hoặc tùy nguyện lãnh một trách nhiệm nào trong Thiền viện thích hợp với khả năng, để đủ phương tiện tiến tu. Ba năm sau, thiền sinh này mới được quảy bát xuống núi.

Trong thời mạt pháp mà chủ trương mở mang Thiền viện khôi phục Thiền tông là một việc rất khó khăn của chúng tôi. Bởi vì đại đa số quần chúng Phật tử Việt Nam đã chịu ảnh hưởng sâu đậm Tịnh độ tông. Họ có cảm nghĩ không tốt đối với Thiền tông, hoặc bảo rằng “Thiền là dành riêng cho những bậc thượng căn thượng trí, còn chúng ta căn cơ trì độn làm sao tu nổi” hoặc nói “tu Thiền thì phải gia công tự lực,

mình yếu đuối làm gì tu được” v.v... Nhưng, chúng tôi thường nói với chúng Tăng ở đây: “Trong mùa đông vẫn có những ngày hạ, cũng như trong mật pháp vẫn có chánh pháp, hoặc ngược lại.” Chúng ta không thể phủ nhận lời huyền ký của đức Phật, song chúng ta cũng không nên phủ nhận đức tự tín của chúng ta. Chính khi đức Thế Tôn còn ở đời, vẫn có những vị tăng hoàn tục, vẫn có những cư sĩ không muốn thấy Phật. Như thế, đối với những kẻ ấy đâu không phải trong chánh pháp có mật pháp hay sao? Hiện nay cách Phật hơn hai ngàn năm, nếu chúng ta nghe những lời Phật dạy trong kinh, liền thành kính tuân hành đúng mức, trong tâm hằng nhớ Phật chẳng quên. Thế là, đối với chúng ta hiện ở trong thời mật pháp có khác gì với chánh pháp. Bởi đức Phật thường tuyên bố *Kẻ nào y theo lời ta dạy tu hành, dù ở xa ta ngàn muôn dặm cũng như hiện hầu bên cạnh ta; kẻ nào trái lời ta dạy chẳng tu, dù ở bên cạnh ta vẫn cách xa ta ngàn muôn dặm*. Chúng ta đừng bị quan bởi cách Phật quá xa, mà đáng bị quan hơn là lòng mình không cố gắng. Cách Phật tuy xa, mà chúng ta vẫn đầy đủ lòng tin, vẫn tinh tiến chẳng dừng, vẫn sống phù hợp với chánh pháp, thì lo gì không thấy Phật, không gần Phật. Cho nên, chúng ta phải gan dạ, phải cứng cỏi, phải dẻo dai, phải nỗ lực tiến tu, thì dù ở thời gian nào vẫn đẹp, nơi chốn nào cũng tốt. Tóm lại, chánh pháp hay mật pháp, gần Phật hay xa Phật, gốc tại lòng mình. Chúng ta đừng lệ thuộc thời gian, không gian, mà phải vững tin nơi tâm mình. Chỉ chuyển đổi được tâm mình thì mọi việc đều tươi sáng cả. Đó là chủ trương của Thiền tông “tức tâm tức Phật”.

Cổ đức đâu không từng dạy: *Kia đã là trượng phu ta cũng vậy, không nên tự khinh mà lui sụt.* Tại sao chúng ta cứ mặc cảm tự ty, cho rằng mình là căn cơ trì độn không thể tu Thiền được? Chính các Tổ xưa cũng đã nói “Đâu ai lường được nhân duyên đời trước của mình”. Hơn nữa, Bồ-tát Thường Bất Khinh gặp ai cũng nói lên câu: “Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài sẽ thành Phật.” Chúng ta hiện thấy sờ sờ ở trong kinh Pháp Hoa. Thế mà, tại sao chúng ta lại tự khinh chúng ta?

Lại nữa, trong kinh Pháp Cú Phật dạy: *Các người phải tự thấp đuối lên mà đi, thấp lên với chánh pháp.* Thế mà chúng ta cứ sợ gia công tự lực là sao? Ngọn đuối chánh pháp của Phật tổ lưu truyền lại, chúng ta phải mỗi nó để thấp sáng ngọn đuối của tâm mình. Có thế, chúng ta mới làm được việc truyền đăng tục diệm, soi đường cho chúng sanh ra khỏi vô minh hắc ám. Nếu chúng ta cứ nơm nớp lo sợ không chịu nỗ lực tiến tu, một bề ỷ lại vào tha lực đó là chúng ta tự phản bội với đức Phật của chúng ta rồi. Vì chính đức Bổn sư Thích-ca ngày xưa do nỗ lực thiền định mới được giác ngộ. Tổ Tổ đều thế cả. Tại sao đến chúng ta lại không theo con đường ấy, mà một bề trông vào tha lực? Do đó, chúng tôi mở Thiền viện, khôi phục Thiền tông là bước theo lối mòn của Phật tổ chứ có mới mẻ gì.

Thiền viện Chơn Không bước sang khóa thứ hai không còn mang vẻ ấu trĩ và xa lạ với quần chúng Phật tử nữa. Nó đã được sự hưởng ứng nồng nhiệt của chúng Phật tử xuất gia và tại gia. Khóa đầu sĩ số thiền sinh chính thức và dự thính không quá ba mươi vị,

khóa hai này sĩ số thiền sinh chính thức đến ba mươi vị và dự thính đến một trăm vị. Sự hiện diện đông đủ tăng ni và Phật tử nam nữ hôm nay là cụ thể hóa bước tiến của Thiền viện. Tuy nhiên chúng tôi không lạc quan về con số đông đảo này, mà rất e dè về số lượng to sẽ áp đảo số phẩm nhỏ. Vì chủ trương của chúng tôi là trọng phẩm hơn trọng lượng. Song cái gì đến là phải đến, chúng tôi không thể ngăn cản lại được.

Chúng tôi thường tuyên bố với tăng ni rằng: “Chúng tôi là kẻ nợ của tăng ni, song kẻ nợ này không muốn giật mà cũng không thích trả. Nếu ai biết đòi mới trả, bằng không thì hẹn lại.” Do đó, tăng ni nghe chúng tôi chỉ dạy còn một khóa này sẽ nghỉ, nên đồng tình kéo nhau đến đòi, không cho chúng tôi hẹn. Vì vậy mà sĩ số thiền sinh khóa này vượt bậc. Đã là kẻ nợ, nên không cho phép chúng tôi từ khước những vị xin vào Thiền viện tu học với chúng tôi. Mặc dù khẩu phần vọt lên quá cao trong khi kinh tế quốc gia sụt quá thấp. Nếu nhìn vào kinh tế sẽ có lắm vị phê bình chúng tôi “làm việc không biết thời”. Chúng tôi chấp nhận lời phê bình ấy thật đúng. Song chúng tôi tin tưởng trên nhờ sức gia hộ của Tam bảo, dưới nhờ lòng hộ pháp của toàn thể quý vị có mặt ở đây và những vị vắng mặt, thiền viện Chơn Không sẽ vượt qua được những khó khăn ấy.

Chúng tôi quả quyết rằng “dạy mãi khóa thứ hai này chúng tôi sẽ hưu trí”, nếu không vì vô thường ép ngặt giữa chừng. Vì thế, mong rằng quý vị thương muốn giúp cho chúng tôi mãn nguyện, xin gắng giúp trong ba năm này. Quý vị muốn bàn luận đạo lý với chúng tôi

cũng xin đến ngay trong ba năm này. Ba năm này là ba năm chúng tôi sống với quý vị; ngoài ba năm, quý vị coi như chúng tôi đã chết. Từ đó về sau quý vị đừng đòi hỏi, đừng lo lắng về chúng tôi nữa. Đó là nguyện vọng thiết tha của chúng tôi.

Cùng các thiên sinh,

Với chủ trương “Thiền Giáo song hành” của thiền viện Chơn Không rất phù hợp với lời của tổ Khuê Phong nói “Do tu Thiền mà hiểu được Giáo, do học Giáo mà tin được Thiền”. Cho nên trong ba năm tu học, mong quý vị cố gắng đừng bỏ sót thời khóa tu tập, cũng như những buổi học kinh. Nhất là quý vị dự thính, phải bền chí và cố gắng mới có thể trọn vẹn khóa học ba năm. Tu học đủ ba năm, chúng tôi đoán quyết rằng quý vị sẽ được niềm tin vững chắc đối với chánh pháp Đại thừa. Và quý vị sẽ thấy mình có vinh hạnh mới được hấp thụ chánh pháp ấy. Chúng tôi và hàng Phật tử cố gắng gánh lấy trách nhiệm lo cho quý vị an tâm tu học, thì quý vị cũng phải nỗ lực tinh tiến làm tròn bổn phận của mình.

Kính thưa toàn thể quý vị,

Sự tu không hạn cuộc thời gian, mà ở đây chúng tôi đặt thành khóa ba năm, âu cũng là trái lý. Song vì chỗ nhắm của chúng tôi là “của ít mà muốn được nhiều người dùng” cho nên mới đặt hạn kỳ ba năm. Nếu sau này có nhiều Thiền viện ra đời thì hạn kỳ ấy sẽ được bãi bỏ. Chủ đích thiền viện Chơn Không này là để làm nên một viên đá đầu tiên đặt vào lòng nền móng những ngôi Thiền viện tương lai. Cho nên chúng tôi chỉ

mở hai khóa rồi im lặng. Trách nhiệm mở mang hay duy trì, chúng tôi xin gửi gắm lại cho những người sau.

Trước khi dứt lời, chúng tôi kính dâng lên Hòa thượng lời nguyện cầu *phúc tuệ viên mãn* và gửi đến quý vị câu chúc lành *thân an tâm tịnh*.

Nam-mô Thường Bất Khinh Bồ-tát.



DIỄN VĂN KHAI GIẢNG THIÊN VIỆN LINH QUANG - 1974

*Thiền viện Linh Quang
ngày mừng sáu tháng tư âm lịch năm 1974*

- Kính bạch Hòa thượng chứng minh.
- Kính thưa chư Thượng tọa, Đại đức tăng ni.
- Kính thưa quý quan khách và toàn thể Phật tử.
- Thưa quý vị,

Thế theo đà tiến triển của Thiền viện, hôm nay chúng tôi đầy đủ thắng duyên khai giảng khóa học Thiền ba năm tại đây. Đó chẳng qua trên nhờ sức gia hộ của Tam bảo, dưới nhờ lòng mãn niệm của chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng ni và lòng hộ pháp nồng nhiệt của gia đình đạo hữu Trí Chơn (chủ chùa Linh Quang) cùng tất cả quý Phật tử xa gần.

Thưa quý vị,

Thiền tông Việt Nam là cội nguồn của Phật giáo Việt Nam, thế mà hơn một thế kỷ đã vắng bóng im hơi trên lãnh thổ này. Những danh từ Thiền lâm, Thiền môn, Thiền viện không còn giá trị thật ở các ngôi già-lam hiện giờ. Thậm chí những dòng phái Lâm Tế, Tào Động... hiện còn ghi trên lá phái của Phật tử, hay trên bài vị thờ Tổ ở các Tổ đình trên các ngôi tháp, cũng không còn ai biết đến là gì. Thật Phật giáo Việt Nam chúng ta mất gốc một cách bi đát. Còn bi đát hơn, hiện giờ có ai tu Thiền liền bị mỉa mai “coi chừng tu Thiền điên”. Thế là, chẳng những chúng ta phủ nhận cội nguồn Tổ tiên của chúng ta, mà lại khiếp sợ luôn việc tu hành của các ngài. Nếu tu Thiền điên, tại sao Thiền tông Việt Nam lại truyền bá đến mười mấy thế kỷ? Chẳng qua những kẻ thô thiển không am tường Phật pháp tu mù luyện quán mới sanh điên cuồng. Ấy thế mà người ta cứ đổ trút tội lỗi cho tu Thiền, thật là những lời vu oan vô trách nhiệm.

Chúng tôi không nỡ để cho sự nghiệp Tổ tiên bị mai một, không đành lòng nhìn thấy cả đoàn người con Phật đang bối rối quờ quạng không tìm được lối đi trên con đường giải thoát, nên cố gắng cho ra đời những Thiền viện. Thiền viện là chỗ đầy đủ thiện duyên cho những người quyết tâm tu hành cầu giải thoát. Bởi vì ở đây sẽ giảng giải kinh luận sử của Phật tổ khiến thiền sinh thấy được lý đạo, như người có đôi mắt sáng. Ở đây tránh hết mọi duyên phiền toái bên ngoài và được Phật tử tứ sự cúng dường đầy đủ, để thiền sinh một bề

thực tập công phu, như người có cặp chân mạnh. Người bộ hành có đủ mắt sáng chân mạnh thì lo gì không đi tới đích. Cũng thế, một thiền sinh đạt được lý đạo, có phương tiện thực tập công phu, trên con đường giải thoát nhất định tiến được.

Hơn nữa, ***Thiền là phương pháp tu chánh thống của đạo Phật***. Thuở xưa đức Thích-ca do tu Thiền mà ngộ đạo, chư tổ từ Ấn Độ đến Trung Hoa sang Việt Nam cũng do tu Thiền mà thành Tổ. Chúng ta ngày nay tự nhận là đệ tử Phật, là môn đồ chư tổ, không lý do gì từ khước chẳng chịu tu Thiền. Như thế, khôi phục Thiền tông là một nhiệm vụ chung của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam. Do đó, chúng tôi thiết tưởng sự mở mang Thiền viện là một điều tối cần thiết và tối khẩn cấp đối với Phật giáo Việt Nam. Bởi vì, chúng ta phóng tầm mắt xa hơn, nhìn ra các nước bạn như Nhật Bản là một nước chịu sự giáo hóa của Thiền tông sau nước chúng ta, thế mà họ đã giữ được truyền thống mãi trên quốc gia họ, lại còn gây ảnh hưởng lan tràn trên thế giới. Khi đó, ở Việt Nam chúng ta chưa có mấy vị sư am hiểu về Thiền, chưa có một Thiền viện nào có quy củ. Thật đáng hổ thẹn thay! Lại càng hổ thẹn hơn, hiện tại sách vở Thiền được giới trí thức trên thế giới và trí thức Việt Nam hâm mộ, song nếu có giáo sư hay sinh viên nào vào chùa hỏi cách tu Thiền thì các vị sư sẽ ngơ ngáo không biết chỉ dạy thế nào? Có khi họ không hiểu hơn người đến học hỏi. Thế là chúng ta đã đánh mất trách nhiệm lãnh đạo tín đồ, hướng dẫn quần chúng.

Chúng ta nhìn ngược dòng lịch sử, sẽ thấy Thiên tông chẳng những làm rạng rỡ cho Phật giáo, mà còn gây dựng một quốc gia hùng cường. Ngót bốn thế kỷ (1010-1400) dưới hai triều đại Lý Trần, nước Việt Nam đã tỏ rõ là một nước độc lập hùng cường. Chính khi ấy, Thiên tông đang truyền bá sâu rộng duy nhất trên lãnh thổ Việt Nam. Chẳng riêng ở Việt Nam, ở Trung Hoa, Nhật Bản cũng thế. Thời Đường Tống, Thiên tông thịnh nhất ở Trung Hoa. Chính lúc văn hóa Trung Hoa lên cao tột đỉnh. Sang Nhật Bản cũng thế, người Nhật chịu ảnh hưởng Thiên tông rất đậm, cho đến thuật đánh kiếm, uống trà, cắm hoa... đều mang sắc thái Thiên. Người dân Nhật Bản đến hiện giờ tinh thần tự tin rất cao, đó là nhờ truyền thống Thiên tông chẳng mất.

Tại sao Thiên tông giúp cho quốc gia được hùng cường? Bởi vì người Phật tử biết tu Thiên là lòng tự tin rất vững. Thiên tông chủ trương “tức tâm là Phật” không cần tìm kiếm nơi nào, không hề ỷ lại vào ai, chỉ quay lại mình gột sạch phiền não là Phật tánh tự hiện. Chính tinh thần ấy giúp họ tin tưởng vào sức mạnh tự lực tự cường, không bao giờ trông cậy cái gì ngoài mình. Một người như thế, toàn dân đều như thế, thử hỏi quốc gia làm sao mà chẳng hùng cường? Do đó, khi quốc gia bị lệ thuộc thì Thiên tông không còn sinh khí truyền bá, dần dần suy mòn đến không còn âm hưởng. Sự thật ấy thấy rất rõ ràng, ở trên đất Việt Nam ngót một thế kỷ dưới thời Pháp thuộc. Giờ đây quốc gia Việt Nam đã có phần khôi phục lại chủ quyền; theo nhịp bước ấy, Thiên tông cũng bắt đầu phục hồi sinh khí.

Bằng chứng hiển nhiên là hôm nay nhìn thấy sự hiện diện đông đảo của quý vị, đủ chứng tỏ rằng quý vị đã đồng tâm hưởng ứng với chúng tôi, chúng ta cùng góp sức gây dựng cho Phật giáo Việt Nam nói chung, gây dựng cho Thiền tông nói riêng, khiến ngọn đèn chánh pháp càng ngày càng sáng tỏ. Trách nhiệm to tát ấy, cá nhân hay vài ba người không thể gánh vác nổi, mà phải do sự cộng tác của toàn thể mới thực hiện. Nhất là trong giới tăng ni sẽ hoặc đang là người lãnh đạo tinh thần tín đồ Phật giáo, chúng ta không thể nào lơ là với nhiệm vụ trọng đại này.

Chúng tôi rất hoan hỷ nhận thấy trong giới tăng ni trẻ tuổi đã hưởng ứng nồng nhiệt trong Phật sự khuếch trương Thiền viện hôm nay. Cụ thể nhất là những tăng sĩ quyết tâm xin vào Thiền viện tu tập, thừa số mà chúng tôi đã ấn định. Có nhiều vị đến xin muện không còn chỗ phải ra về với vẻ mặt buồn bã đáng thương. Ni chúng lại càng mạnh mẽ hơn, tuy không đủ duyên vào Thiền viện mà vẫn từ nhiều nơi xa xôi gắng đến xin dự học để về chùa hoặc am cốc riêng tu hành. Thấy thế cũng đủ chứng minh: Tăng ni trẻ tuổi vẫn hâm mộ đạo chuyên tu. Không phải như có một ít vị thượng tọa phàn nàn rằng: “Tăng ni trẻ thời này hầu hết chạy theo cấp bằng danh lợi.” Chẳng những tăng ni hiếu tu hiếu học, mà đến hàng cư sĩ nam nữ cũng xin ghi tên được dự học và tu tập theo. Lòng nhiệt thành của quý vị thúc đẩy chúng tôi gắng gỏi hơn trong sứ mạng cao cả này.

Sự có mặt đông đảo của quý vị hôm nay, nói lên lòng tùy hỷ nồng nhiệt đường lối khuếch trương Thiền viện,

do chúng tôi đề xướng. Chúng tôi tin tưởng thiền viện Linh Quang ra đời, đã đánh dấu một bước tiến và sẽ trưởng thành nhiều Thiền viện ở ngày mai.

Trước khi dứt lời, chúng tôi kính chúc quý vị tâm Bồ-đề hàng tăng trưởng cho đến ngày viên mãn.

Nam-mô Hộ pháp chư tôn Bồ-tát.



DIỄN VĂN LỄ ĐẶT ĐÁ XÂY DỰNG THIÊN VIỆN TRÚC LÂM - 1993

- Kính thưa Hòa thượng đại diện Hội đồng
Trị sự Trung ương.

- Kính thưa Hòa thượng Trưởng ban Trị sự Giáo
hội tỉnh Lâm Đồng.

- Kính thưa đại diện chính quyền tỉnh Lâm
Đồng, cùng quý quan khách.

- Kính thưa quý Hòa thượng, Thượng tọa, quý Sư
bà, Ni sư và chư Đại đức tăng ni cùng tất cả Phật tử.

Thưa quý vị,

Trước nhất chúng tôi chân thành biết ơn quý vị
đến dự lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng thiên viện
Trúc Lâm hôm nay. Sự có mặt của quý vị nói lên tinh
thần cảm thông và hưởng ứng một Phật sự có tầm
vóc quan trọng do chúng tôi chủ xướng. Chúng tôi

xin phép nói rõ mục đích chủ yếu xây dựng thiền viện Trúc Lâm.

Mục đích chúng tôi nhắm có ba phần:

1. Tạo cảnh quan xinh đẹp mang sắc thái văn hóa dân tộc.

2. Khôi phục Thiền tông đời Trần.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho tăng ni, Phật tử chuyên tu Thiền.

1. Tạo cảnh quan xinh đẹp mang sắc thái văn hóa dân tộc

Xây dựng thiền viện Trúc Lâm, chúng tôi cố gắng tạo thành một cảnh quan đẹp đẽ trong tổng thể khu vực hồ Tuyên Lâm nói riêng, một thắng cảnh của thành phố Đà Lạt nói chung. Song sự đẹp đẽ theo quan niệm của chúng tôi, Chùa không có tính cách nguy nga lộng lẫy, mà phải trang nhã, mang đậm nét dân tộc. Cảnh không phải hoa kiểng rực rỡ, mà thanh u tịch mịch. Chúng tôi cố tạo quang cảnh thanh lịch thích hợp với thiên nhiên. Cho nên, du khách đến đây sẽ thấy rừng thông xanh tươi soi bóng dưới mặt hồ, và chỉ nghe tiếng gió thổi thông reo, tiếng ve ngâm từng chập. Bất cứ nơi nào trong rừng thông, du khách muốn ngồi lại hóng mát, đều có bóng thông làm dù, lá thông làm chiếu, sạch sẽ êm mát. Đây là cảnh đẹp của chúng tôi.

2. Khôi phục Thiền tông đời Trần

Phật giáo Việt Nam có một kho báu vô giá, mà bị mai một hơn một thế kỷ nay. Kho báu ấy là Thiền tông thời Lý Trần, gần bốn thế kỷ (1010-1400), Thiền tông đã tạo dựng nền đạo đức văn hóa Việt Nam một cách rực rỡ. Chính nhờ Thiền tông mà Phật giáo Việt Nam được xem như Quốc giáo cả hai triều đại. Nhưng ngót một thế kỷ rồi, Thiền tông gần như mất dạng trên đất nước Việt Nam. Bắt đầu từ năm 1970, chúng tôi cố gắng xây dựng lại nền văn học Việt Nam. Song nhân duyên chưa đủ, việc làm chưa kết quả đúng như sở nguyện của chúng tôi. Đến nay, nhân duyên hội tụ, được quý hòa thượng Giáo hội Trung ương và Giáo hội tỉnh Lâm Đồng lưu tâm ủy thác, chúng tôi đứng ra thay nhọc các ngài thành lập thiền viện Trúc Lâm, để hướng dẫn tăng ni Phật tử tu thiền. Đồng thời được chính quyền tỉnh Lâm Đồng hoan hỷ cấp đất và cho phép chúng tôi xây dựng thiền viện Trúc Lâm tại hồ Tuyên Lâm này. Đây là cơ duyên ít có, cũng là duyên lành khiến nền Thiền học Việt Nam được sống lại với dân tộc Việt Nam.

Sở dĩ chúng tôi chủ trương *khôi phục Thiền tông đời Trần* bởi những lý do:

1- Thiền tông đời Trần mang đầy đủ tính dân tộc. Thiền tông đời Trần là hệ phái thiền Trúc Lâm Yên Tử, vua Trần Nhân Tông sau khi đi tu làm Sơ tổ hệ phái này. Khi xuất gia rồi, nhà vua lấy hiệu là Trúc Lâm Đại Đầu-đà, có nghĩa là nhà sư Trúc Lâm tu khổ hạnh.

Hai chữ Trúc Lâm vừa mang tên ngài và tên hệ phái. Hệ phái thiền Trúc Lâm Yên Tử ra đời, thống nhất bốn phái thiền đã có ở Việt Nam: phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi (Vinītaruci), phái Vô Ngôn Thông, phái Thảo Đường, phái Lâm Tế. Đây là lần đầu tiên vị tổ Việt Nam đứng lên lập một chi phái thiền thích hợp với dân tộc tính Việt Nam. Đọc bài phú Cư Trần Lạc Đạo bằng văn Nôm của ngài Trúc Lâm, chúng ta sẽ thấy rõ tinh thần này.

2- Chủ trương tam giáo đồng nguyên. Thiền tông đời Trần không những thống nhất các hệ phái trong Phật giáo, mà còn đoàn kết với các tôn giáo bạn. Chủ trương “tam giáo đồng nguyên” ra đời từ Thiền tông đời Tống ở Trung Quốc, song thực hiện chủ trương này là Thiền tông đời Trần ở Việt Nam. Vì các ông vua đời Trần hầu hết đều ngộ được lý thiền, mà các ngài vẫn cho lập văn miếu thờ Khổng Tử (1253) và tôn trọng Lão Tử. Chính chủ trương bao dung này, nên đoàn kết được toàn dân để cứu nước và giữ nước, tạo thành sức mạnh phi thường đã chiến thắng được quân Nguyên Mông. Thiền tông không nặng về hình thức, chỉ chú trọng chuyển hóa nội tâm của con người. Do đó, bất cứ tôn giáo nào khéo dạy con người chuyển đổi tâm niệm xấu ác thành tâm hiền thiện đều thích hợp với Thiền tông.

3- Tăng tục đều tu được. Phật giáo cổ xưa chỉ thừa nhận người xuất gia tu hành mới được giải thoát. Cho nên ai muốn tu giải thoát đều cầu xin xuất gia ở chùa. Trái lại, Thiền tông đời Trần cho thấy người xuất gia (tăng), người tại gia (cư sĩ) đều có khả năng giác ngộ và tự tại trong lúc lâm chung. Vua Trần Thái Tông đang

ở ngôi vị một ông vua mà vẫn ngộ đạo, trong tập Khóa Hư Lục còn ghi rõ điều này. Vua Trần Thánh Tông làm cư sĩ suốt đời vẫn có cái nhìn xuyên suốt lý thiền. Câu chuyện đối đáp giữa nhà vua và Tuệ Trung Thượng Sĩ trong buổi lễ cúng tuần cho hoàng hậu đủ rõ. Tuệ Trung Thượng Sĩ suốt đời sống trong vòng tay thê thiếp, mà vẫn được mọi người học thiền trọng vọng - trong quyển Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục nói - khi lâm chung vẫn ung dung tự tại ra đi. Vì muốn Phật giáo phổ cập cả hai giới tăng sĩ và cư sĩ, nên chúng tôi chú tâm đến Thiền học đời Trần.

3. Hướng dẫn tăng ni và Phật tử chuyên tu thiền

Đây là mục đích tối hệ trọng, chúng tôi đặt nặng hơn cả. Vì Phật giáo Việt Nam đã có một truyền thống sáng chói, mà ngày nay tăng ni và Phật tử dường như quên lãng. Nói đến tu thiền, mọi người cảm thấy xa lạ, hoặc có thái độ e dè, thậm sợ tu thiền điên. Đức Phật giác ngộ là do tu thiền, chư tổ ngộ đạo đều do tu thiền, nguồn gốc Phật giáo Việt Nam cũng xuất phát từ Thiền tông, mà nay chúng ta không biết gì về tu thiền, thật là một sai sót lớn. Hơn nữa, toàn nước Việt Nam chùa chiền có đến mấy vạn, song tìm một chùa tu hành có quy củ, có đường lối rõ ràng, thật là hiếm thấy. Vì bổ cứu những khuyết điểm trên, chúng tôi chủ tâm thành lập thiền viện Trúc Lâm, cốt để tạo điều kiện cho người tu có nề nếp quy củ, có đường lối cụ thể. Được vậy, Phật giáo đồ Việt Nam mới không cảm thấy hổ thẹn với các nước Phật giáo bạn.

Để thực hiện mục đích trên, thiền viện Trúc Lâm chúng tôi chia làm hai khu. Khu ngoại viện và khu nội viện. Khu ngoại viện là nơi dành cho Phật tử hành hương và du khách tham quan. Trong khu này có chánh điện, tham vấn học đường, khách xá, gác chuông và cổng tam quan... Khu nội viện lại chia làm hai: nội viện tăng và nội viện ni. Mỗi nội viện đều có thiền đường, tăng đường, trai đường... Trong khu nội viện, nếu có khách muốn vào nghiên cứu sự tu hành cụ thể của tăng ni, phải xin phép thầy Tri khách mới được hướng dẫn vào. Có thế, mới thực hiện được vừa tạo cảnh quan phục vụ khách hành hương và du lịch, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người chuyên tu thiền. Chùa Phật giáo chúng ta lâu nay là nơi chiêm bái lễ lượt của Phật tử, vừa là nơi hoằng pháp của chúng tăng, đồng thời cũng là nơi tu hành của tăng ni nên rất ồn náo phức tạp. Trong cảnh ồn tạp này, chúng tăng dù có quyết tâm tu hành cũng khó đạt được kết quả. Bởi người tu không có điều kiện thuận lợi để thực hiện bản nguyện của mình. Để giúp đỡ những người quyết chí tu hành, thiền viện Trúc Lâm ra đời.

Thiền viện Trúc Lâm thể theo tinh thần ngài Trúc Lâm Đại Đầu-đà, khi làm vua thì quên mình vì dân vì nước, lúc đi tu thì sống cuộc đời đạm bạc để dồn hết tâm lực trong việc tu hành và giáo hóa chúng sanh. Cho nên phần mở đầu của bản nội quy thiền viện Trúc Lâm, chúng tôi viết:

Với tinh thần Trúc Lâm Đại Đầu-đà, thiền sinh ở đây phải đủ ba đức tính: dứt khoát, kiên quyết và đạm bạc.

1. Tính dứt khoát là, đời ra đời, đạo ra đạo, tu phải đến nơi đến chốn; không thể có thái độ lưng chừng, mà phải quyết chí tu đến sáng đạo mới được.

2. Tính kiên quyết là, dù khó khăn chướng ngại do ngoại cảnh hay bản thân tạo ra, đều khẳng định vượt qua. Cương quyết thực hiện kỳ được giải thoát viên mãn mới thôi.

3. Tính đạm bạc là, cuộc sống đạm bạc giản dị, không chấp nhận mọi thụ hưởng xa hoa. Bản chất thanh đạm là đời sống của thiên sinh ở đây.

Phần nề nếp quy củ trong Thiền viện, chúng tôi lấy Lục hòa làm nền tảng và Lục hòa là mạch sống của người xuất gia mà hầu hết các nhà chùa chúng ta khó thực hiện được. Thiếu Lục hòa, người xuất gia khó đoàn kết nhau, trái lại còn chia rẽ chống đối là khác. Do đó trong bản nội quy mở đầu phần Lục hòa, chúng tôi viết: *Lục hòa là chất keo gắn chặt lâu bền các thiên sinh chung sống tu hành tại Thiền viện. Lục hòa cũng là nền tảng vững chắc của đoàn thể tăng.* Nếu toàn thể chúng tăng đều sống theo Lục hòa thì Phật pháp sẽ hưng thịnh, tăng đoàn sẽ an lạc. Trong kinh Pháp Cú có câu: *Hạnh phúc thay chúng tăng hòa hợp...*

Có người nghe nói “chuyên tu thiền”, họ hiểu lầm cho là tiêu cực, ích kỷ chỉ lo tu cho mình. Sự thật không phải thế, mà ngược lại. Bởi vì người thế gian muốn có tài giỏi để giúp ích xã hội, họ cần phải có thời gian dài học hành, phải chuyên nghiên cứu môn sở trường năm mười năm, sau đó mới có sáng kiến hay, phát minh lạ.

Tu sĩ Phật giáo cũng thế, sau khi học xong giáo lý, phải có thời gian chuyên tu, được đôi phần giác ngộ rồi mới ra giáo hóa chúng sanh. Người chuyên tu thiền, sau khi thấy đạo phải lao mình vào cuộc đời để giáo hóa những người mê lầm đang tạo nghiệp khổ, dẫn dắt họ đến chỗ sáng suốt an lành, bất kể mình phải khó khăn lem lấm. Chúng ta nghe bài kệ thứ mười trong Mười mục chặn trâu nhà thiền:

*Lộ hung tiên túc nhập triền lai
 Phù thổ đồ khô tiểu mãn tai.
 Bất dụng thân tiên chân bí quyết
 Trực giao khô mộc phóng hoa khai.*

Dịch:

*Chân trần bày ngực thẳng vào thành
 Tô đất trét bùn nụ cười thanh.
 Bí quyết thân tiên đâu cần đến
 Cây khô cũng khiến nở hoa lành.*

Thiền sư mặc áo bày ngực, chân không giày dép đi vào chợ, mặc dầu thân đầy bụi bặm lem lấm, mà miệng vẫn cười toe toét tới mép tai. Không cần gìn giữ giới hạnh mẫu mực của người tu, không thuyết giảng giáo lý cao siêu mẫu nhiệm, chỉ làm một con người tầm thường để dạy bảo những người bán cá bán thịt ở ngoài chợ, những người la cà ở quán rượu lâu xanh..., khiến cho họ biết đạo đức tu hành. Hành động này, chúng ta có thể kết tội là tiêu cực được không? Quả thật là hạnh Bồ-tát quên mình cứu khổ chúng sanh. Chỗ cứu cánh người tu thiền là phải đến đó.

Thưa quý vị,

Thiền viện Trúc Lâm ra đời và sẽ thành tựu. Trước nhất là nhờ Hội đồng Trị sự Giáo hội Trung ương, Ban Trị sự tỉnh Lâm Đồng tận tình chung lo và thường xuyên ủng hộ chúng tôi. Kế đến nhờ Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Ủy ban nhân dân các phường, Ban Tôn giáo, Mặt trận, Ban Giám đốc Sở Nông lâm thủy, Ban Giám đốc Sở Xây dựng, Ban Quản lý rừng đặc dụng Lâm Viên, Ban Giám đốc hồ Tuyên Lâm, các ngành các cấp giúp đỡ và dành mọi sự dễ dàng cho chúng tôi. Đồng thời được sự biểu đồng tình của chư hòa thượng, thượng tọa, đại đức tăng ni hiện có mặt và vắng mặt, đây là nhân tố quan trọng thúc đẩy chúng tôi phải cố gắng. Sau cùng là nhờ sự đóng góp công và của của tất cả Phật tử xa gần trong nước, ngoài nước. Chúng tôi xây dựng thiền viện Trúc Lâm sớm thành công là nhờ sự đồng tâm hợp lực của tất cả quý vị.

Trước khi dứt lời, chúng tôi kính chúc tất cả quý vị được sức khỏe an khang, tâm Bồ-đề viên mãn.



**DIỄN VĂN KHAI MẠC
LỄ KHÁNH THÀNH
THIÊN VIỆN TRÚC LÂM - 1994**

- Kính thưa quý vị hàng Giáo phẩm đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Kính thưa quý vị đại diện Đảng, chính quyền Mặt trận các cấp.

- Kính thưa tất cả tăng ni và toàn thể Phật tử.

- Thưa quý vị,

Hôm nay thiên viện Trúc Lâm phần xây dựng căn bản tương đối đã xong, chúng tôi tổ chức lễ Khánh thành. Công trình kiến thiết này được sớm thành tựu là nhờ sự ủng hộ và khích lệ tinh thần của quý Hòa thượng Giáo hội Trung ương, Giáo hội tỉnh Lâm Đồng, nhờ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các phường, Ban Tôn giáo,

Mặt trận, các ngành, các cấp Chính quyền và Ban Giám đốc hồ Tuyên Lâm nhiệt tình giúp đỡ bằng cách dành mọi dễ dàng cho chúng tôi. Nhờ sự tận tâm tận lực của chư tăng, ni và Phật tử gần xa. Kề công người của chung lo cho công trình xây dựng này. Chúng tôi chân thành tri ân tất cả quý vị.

Thưa quý vị,

Về mặt hình thức thiền viện Trúc Lâm đã tạm ổn định. Song về mặt tinh thần thì mới đi được bước đầu. Tại sao? Vì chúng tôi thành lập thiền viện Trúc Lâm với mục đích khôi phục Thiền tông Việt Nam. Nói khôi phục Thiền tông Việt Nam tức là làm sống dậy Thiền tông đời Trần. Bởi vì Thiền tông đời Trần mới đủ tư cách tiêu biểu cho Thiền tông Việt Nam. Kể từ đầu thế kỷ thứ VII về sau, các phái thiền từ Trung Hoa đã truyền sang Việt Nam. Mãi đến thế kỷ thứ XIII, vua Trần Nhân Tông đi xuất gia lấy hiệu Trúc Lâm Đại Đầu-đà, tu trên núi Yên Tử, mới thành lập phái thiền Trúc Lâm Yên Tử. Đây là phái Thiền Việt Nam đầu tiên trên đất nước Việt Nam. Thiền tông đời Trần cũng là Phật giáo đời Trần, vì thời này các Thiền sư là người lãnh đạo Phật giáo. Nhìn chung Phật giáo đời Trần, chúng ta thấy có những nét nổi bật như sau:

1. *Về mặt Quân sự*: Đời Trần có công lớn chống quân xâm lược, gìn giữ độc lập cho tổ quốc. Chính các ông vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông lãnh đạo cuộc kháng chiến ấy đều là người thâm hiểu Phật pháp và chuyên tu Thiền tông.

2. *Về mặt Văn hóa:* Đời Trần đã cố gắng muốn đổi chữ Hán dùng chữ Nôm. Chữ Nôm đã có từ thuở nào chúng ta chưa rõ, nhưng đến đời Trần mới thấy xuất hiện trên văn học Việt Nam. Đa số tác phẩm chữ Nôm đời Trần là của Phật giáo, như bài Cư Trần Lạc Đạo Phú, Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca của vua Trần Nhân Tông. Bài Vịnh Vân Yên Tự Phú của ngài Huyền Quang, bài Giáo Tử Phú của Mạc Đĩnh Chi v.v... Chúng ta thấy rõ tinh thần muốn sử dụng chữ Nôm thay thế chữ Hán của thời này.

3. *Về mặt Tôn giáo:* Đời Trần đứng trên lập trường Phật giáo dung hợp Khổng giáo, Lão giáo thành một khối gọi là “tam giáo đồng nguyên”. Riêng về Phật giáo Thiền tông, ngài Trúc Lâm Đại Đầu-đà gom những tinh hoa các phái thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, Lâm Tế từ Trung Hoa truyền sang, cô đọng lại thành phái thiền Trúc Lâm Yên Tử. Phái Trúc Lâm Yên Tử là phái thiền duy nhất ở Việt Nam do thiền sư Việt Nam thành lập.

Như thế, chúng ta thấy đời Trần chẳng những giành độc lập cho đất nước mà vẫn muốn độc lập cả Văn hóa và Tôn giáo. Riêng độc lập Văn hóa và Tôn giáo không có nghĩa tự cô lập và đóng khung tư tưởng mình, mà mở cửa tiếp thu những cái hay, cái đẹp từ bên ngoài vào, tự tiêu hóa thành cái hay cái đẹp của dân tộc Việt Nam. Đời Trần không chấp nhận lệ thuộc vào nước ngoài, bất cứ phương diện nào kể cả Tôn giáo. Dù thế, các nhà lãnh đạo vẫn thông suốt Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo. Đặc điểm của đời Trần là học cái hay

của người để biến thành cái hay của mình. Tinh thần này rất cao cả, đáng cho chúng ta ngày nay kính trọng và học hỏi theo. Hiện nay, đất nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, chúng ta nên học theo gương đời Trần để làm sáng tỏ tinh thần độc lập của dân tộc mình.

1. *Về mặt Quân sự*: Quân dân ta đã đánh đuổi được giặc ngoại xâm giành được độc lập hoàn toàn cho tổ quốc. Đây là một chiến công oanh liệt, không tủi hổ với tổ tiên.

2. *Về mặt Văn hóa*: Người Việt Nam đã có một thứ chữ riêng, đủ sức diễn đạt được tư tưởng dân tộc ta. Chữ Quốc ngữ có khả năng phiên dịch các loại sách văn hóa, khoa học, triết học, tôn giáo v.v... của nước ngoài. Đây là một vinh hạnh lớn lao cho xứ sở của mình mà tổ tiên ta chưa có.

3. *Về mặt Tôn giáo*: Ở đây chúng tôi chỉ đề cập riêng về Phật giáo, lại chỉ nói riêng về Phật giáo Bắc tông. Phật giáo Bắc tông tu học theo kinh điển Hán tạng. Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa kinh điển bằng chữ Phạn phiên dịch toàn bộ ra chữ Hán. Tạng kinh chữ Hán tương đối khá đầy đủ. Người Việt Nam ngày xưa cũng sử dụng chữ Hán để diễn đạt tư tưởng mình nên học kinh chữ Hán không có gì là khó. Ngày nay toàn dân ta dùng chữ Quốc ngữ làm ngôn ngữ chánh, không có mấy người giỏi chữ Hán, thì học tụng kinh chữ Hán không những là điều không phải dễ dàng. Vì thế, đòi hỏi chúng ta phải phiên dịch tạng kinh chữ Hán ra chữ Quốc ngữ là vấn đề bức xúc vô cùng.

Lại một vấn đề bức xúc không kém, là nghi lễ trong nhà chùa cúng tụng vẫn phát âm nguyên vẹn bằng tiếng Hán Việt. Vô tình chúng ta bị lệ thuộc văn hóa nước ngoài một cách đáng tiếc. Tại sao chúng ta không mạnh dạn thay đổi nghi lễ cúng tụng ra thành tiếng Việt cho mọi người nghe, dễ hiểu, dễ cảm thông.

Đến đường lối tu trong các chùa Phật giáo Bắc tông hiện nay hầu hết đều pha lẫn Tịnh độ tông với Mật tông. Hai tông phái này lấy lòng tin làm căn bản, tức là Tín, Hạnh, Nguyện. Lấy tha lực làm chỗ nương tựa, cầu Phật rước về Cực lạc. Vì thế người Phật tử mất dần lòng tự tín. Thiền viện Trúc Lâm ra đời cố gắng thực hiện các điểm sau đây:

1. *Văn hóa*: Chúng tôi Việt hóa nghi thức tu tập hằng ngày. Mỗi ngày đêm tại thiền viện Trúc Lâm có hai thời tụng kinh sám hối và ba thời tọa thiền. Buổi trưa tụng kinh Bát-nhã và nghi thức cúng cơm. Buổi tối sám hối sáu căn theo Lục thời sám hối của vua Trần Thái Tông biên soạn. Hai thời này chúng tôi hoàn toàn dịch ra tiếng Việt để người đọc và người nghe dễ hiểu, dễ thâm nhập. Tuy nhiên, sự chuyển dịch buổi đầu không tránh khỏi người nghe chói tai và còn nhiều sai sót. Song chúng tôi bạo dạn tạo một cái nhân nhỏ mong sau này sẽ đâm chồi nảy tược nhiều hơn.

Nghi thức Lục thời sám hối của vua Trần Thái Tông vừa thiết thực đối với người tu, vừa có văn chương mà từ trước đến nay trong giới Phật giáo ít ai lưu tâm đến. Chúng tôi cố gắng làm sống lại những cái hay, cái đẹp của

tổ tiên mình. Đồng thời Việt hóa nghi thức tu hành để tránh lỗi bị tha hóa mà lâu nay chúng ta vấp phải.

2. *Phần tu tập*: Tinh thần tu tập chúng tôi nương theo Thiền tông đời Trần làm chuẩn đích. Phật giáo không bị giới hạn trong một quốc gia, một dân tộc, nhưng về phương diện tùy duyên giáo hóa, Phật giáo truyền bá đến đâu phải thích ứng với phong tục văn hóa xứ ấy, gọi là khế cơ. Tuy là tùy duyên, song chân lý giác ngộ của đạo Phật bất cứ ở nước nào cũng không bị thay đổi, gọi là khế lý. Thiền tông đời Trần có đủ hai điều kiện trên nên chúng tôi hướng theo. Thiền tông lấy giác ngộ làm nền tảng, tức là tự giác và giác tha. Lấy trí tuệ làm cửa vào, nên nói “cửa Không”. Cho nên Thiền tông là cốt tủy của đạo Phật. Tu theo Thiền tông là tự khai thác kho báu sẵn có của chính mình, chứ không tìm cầu nơi nào khác. Do đó, người Phật tử tu thiền càng ngày lòng tự tin càng mãnh liệt, bốn câu kệ kết thúc bài phú Cư Trần Lạc Đạo làm sáng tỏ vấn đề này:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc san hê khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Dịch:

*Ở trần vui đạo hãy tùy duyên
Đói đến thì ăn nhọc ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên.*

Thiền sư đời Trần chẳng những dạy tăng ni, Phật tử tu thiền mà còn giảng Kinh, Luật cho mọi người được thấm nhuần giáo lý Phật dạy, cho nên rất thích hợp với tinh thần “Thiền Giáo song hành” do chúng tôi đề xướng.

3. *Nếp sống đạo đức*: Thiền sinh thiền viện Trúc Lâm lấy Lục hòa, tức là Thân hòa cùng ở, Miệng hòa không tranh cãi, Ý hòa cùng vui, Giới hòa đồng tu, Kiến hòa đồng giải và Lợi hòa đồng chia làm nếp sống đạo đức. Làm sao biện minh được một người tu đạo đức cao siêu mà tranh cãi nhau, bất bình nhau, có thành kiến với nhau v.v... Vì thế, bước đầu sống trong Thiền viện chúng tôi bắt buộc thiền sinh phải thực hiện cho được lục hòa.

Thưa quý vị,

Mọi việc đều do nhân duyên tụ hội mà thành, một nhân đơn lẻ không thể thành tựu được một việc gì. Cho nên chúng tôi hy vọng được chư Giáo phẩm trong Giáo hội tận tình ủng hộ tạo thành thắng duyên cho Phật sự này được viên mãn. Chúng tôi mong được sự cảm thông của các cấp Chính quyền trợ lực cho chúng tôi thực hiện được phần nào những nét cao đẹp của tổ tiên.

Với các Phật tử gần xa,

Quý vị đã quá nhiệt tình đóng góp vào công trình xây dựng này. Còn những việc dài lâu về sau, tôi tin chắc rằng không bao giờ tất cả quý vị thờ ơ để mặc chúng tôi.

Sau đây, tôi mong tất cả tăng ni đã được thu nạp vào thiền viện Trúc Lâm phải quyết tâm tu hành, phải chiến thắng nội ma và ngoại ma, phải khẳng định trong đời này sáng đạo. Được vậy chúng tôi mới vui lòng trước khi theo Phật.

Cuối cùng, chúng tôi thành tâm đa tạ tất cả quý vị đã hoan hỷ đến dự lễ Khánh thành hôm nay. Quý vị đến đây với tâm tùy hỷ một Phật sự do chúng tôi chủ xướng. Đây là phần thưởng cao quý từ quý vị ban cho, khiến chúng tôi phải nỗ lực hơn để làm tròn trọng trách của mình. Kính chúc quý vị an khang.

Nam-mô Phật Bổn sư Thích-ca-mâu-ni.



**DIỄN VĂN KHAI MẠC
LỄ ĐẶT ĐÁ XÂY DỰNG
CHÙA LÂN - THIỀN VIỆN TRÚC LÂM YÊN TỬ**

Ngày 19 tháng giêng năm Nhâm Ngọ (02-03-2002)

Kính thưa quý vị,

Đã bao năm qua, chúng tôi thao thức tìm kiếm trên dòng dài ngót hai ngàn năm lịch sử của Phật giáo Việt Nam một chỗ đứng vững chắc nhất để làm nền cho ngôi nhà Phật giáo Việt Nam. Mãi đến gần đây, chúng tôi mới chấm được một cái mốc là Phật giáo đời Trần.

* Lý do gì chúng tôi chấm cái mốc Phật giáo đời Trần?

Bởi vì từ đời Trần trở lui về trước, những vị tổ truyền Phật giáo Thiên vào Việt Nam đều là người Ấn Độ như tổ Ty-ni-đa-lưu-chi, người Trung Hoa như tổ Vô Ngôn Thông...; sau đời Trần đến nay những vị tổ

hầu hết cũng người ngoại quốc. Đức Phật đã là người Ấn Độ, chư tổ cũng người ngoại quốc thì Phật giáo làm sao thấm sâu vào lòng dân tộc Việt Nam? Chỉ có đời Trần vị sơ tổ hệ phái Trúc Lâm Yên Tử mới thật sự là người Việt Nam. Lại là ông vua anh hùng của dân tộc Việt Nam, lời dạy, tư cách và tâm tư ngài mới phù hợp với dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, Phật giáo là chung của nhân loại, không phân biệt màu da chủng tộc, không phân biệt đất nước quốc gia, làm gì có Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản...? Song đứng trên phương diện tùy duyên giáo hóa, Phật giáo đến nước nào đều hòa nhập vào phong tục tập quán của dân tộc ấy, nên có câu “tùy duyên nhi bất biến”. Vì thế, mới có Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam... Đã có tên Phật giáo Việt Nam đương nhiên phải có những nét đặc thù của nó. Đây là lý do tôi chấm cái mốc ngay Phật giáo đời Trần.

* Những đặc thù gì của Phật giáo đời Trần khác với Phật giáo các nước?

Phật giáo đời Trần chủ trương “tam giáo đồng nguyên”. Nghĩa là Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo đồng nguồn. Mục đích tôn giáo là giáo hóa chỉ dạy con người sống một cuộc đời thuần hòa lương thiện, đầy lòng từ bi bác ái, sẵn sàng chia cơm sẻ áo với mọi người để xứng đáng là một Phật tử thuần thành, một con chiên ngoan đạo. Chúng ta tu để đem lại hạnh phúc cho bản thân cho gia đình và cho mọi người. Tu đẹp sạch

oán hờn thù hận để mai kia siêu thoát ngoài vòng đau khổ trần gian. Thế thì, mọi tôn giáo trên thế giới này đều là những người bạn thiết thân lý tưởng, là những người bạn đồng tâm hợp lực chung xây dựng thế gian này càng ngày càng tươi đẹp, càng an vui hạnh phúc hơn. Đây là lý do Phật giáo đời Trần chủ trương tam giáo đồng nguyên. Vì thế, toàn dân Việt Nam đời Trần đều đồng tâm hợp lực chống ngoại xâm thành công. Không có hiện tượng tôn giáo này so bì với tôn giáo khác. Đây là điểm đặc thù của Phật giáo đời Trần, lấy Thiền tông dung hợp với Khổng Lão.

Tuy tôn giáo có tên riêng, song nòi giống dân tộc là chung. Chúng ta không nên vì tên riêng của tôn giáo mà chia rẽ giống nòi dân tộc, tách rời dòng huyết thống của tổ tiên. Tôn giáo là tín ngưỡng riêng của mỗi người, chúng ta đều phải tôn trọng, song ta tôn trọng tín ngưỡng của mình thì phải quý kính tín ngưỡng của người, đây là lẽ công bằng trong cuộc sống của nhân loại. Xử sự được như vậy mới đúng ý nghĩa tôn giáo là cứu đời.

* Đức Phật là người giác ngộ, tu theo đạo Phật là học pháp giác ngộ. Cái gì giác ngộ? Tâm mình giác ngộ. Trong bài phú Cư Trần Lạc Đạo, hội thứ năm, mở đầu nói: *Vậy mới hay! Bụt ở trong nhà; Chẳng phải tìm xa. Nhân khuấy bản nên ta tìm Bụt; Đến cốc hay chĩnh Bụt là ta...* (vua Trần Nhân Tông).

Phật là tánh giác của mỗi người, chúng ta đã sẵn có mà quên, nên tìm Phật ở đâu đâu. Dẹp sạch mây mù vô minh vọng tưởng thì tánh giác hiển lộ sáng ngời.

Ai biết phản chiếu lại mình thì thấy Phật, gọi là kiến tánh. Việc phản chiếu này không dành riêng cho giới nào, xuất gia hay cư sĩ khéo tu khéo phản chiếu đều được kết quả như nhau. Cho nên vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ... là cư sĩ đều kiến tánh ngộ đạo. Đây là nét đặc thù của Phật giáo Thiền tông đời Trần.

* Phật giáo đời Trần không chấp nhận sự lệ thuộc các hệ phái Thiền và văn hóa ngoại lai. Bởi vậy khi vua Trần Nhân Tông đi xuất gia tu hành thành đạo, ngài nói: ... *Học đòi chư Phật, cho được viên thành; Xương khúc vô sinh, An thiên tiêu sái...* Hay: *Pháp thân thường trụ, Phổ mãn thái hư; Hiển hách mục tiền, Viên dung lỏa lỏa...* (Đắc Thú Lâm Tuyên Thành Đạo Ca). Sau đó, ngài góp nhặt tinh hoa ba hệ phái thiền: Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường đúc kết thành thiền Trúc Lâm Yên Tử, ngài là sơ tổ.

Đứng về văn hóa, Sơ tổ Trúc Lâm muốn chuyển văn Hán thành văn Nôm, qua hai bài Cư Trần Lạc Đạo Phú, Đắc Thú Lâm Tuyên Thành Đạo Ca thì thấy rõ. Bấy nhiêu đó cũng đủ minh chứng tâm tư nguyện vọng của ngài chuyển văn Hán thành văn Nôm của Việt Nam. Thế mà, từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XXI, chúng ta vẫn còn thấy đa phần kinh sách và nghi lễ cúng tụng trong chùa còn nguyên chữ Hán. Thật là một điều đáng buồn!

Ở Trung Hoa, Thiền tông đều tuân thủ theo châm ngôn: “Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ

nhân tâm, kiến tánh thành Phật.” Thiền tông đời Trần lại chủ trương “Thiền Giáo song hành.” Đây là một chứng cứ Thiền tông đời Trần có lối tu riêng, chỉ cần được “Kiến tánh thành Phật” là mục tiêu chủ yếu. Cho nên, Sơ tổ Trúc Lâm vừa dạy Thiền vừa bảo đệ tử giảng kinh Kim Cang, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm...

* Tổ Trúc Lâm phân chia đời đạo rõ ràng dứt khoát. Khi làm vua thì hy sinh cả thân mạng để lo cho dân cho nước, bao phen vào sinh ra tử, ngài vẫn không màng. Đến khi đất nước được thanh bình, ngài mới thanh thản an vui. Sau đó, ngài lại trao ngai vàng cho con, đi xuất gia.

Làm một tu sĩ Phật giáo sống trong núi rừng khổ hạnh, ngài vẫn đắc ý vui cười. Hãy nghe một đoạn trong bài Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca: ... *Tuần này mà gẫm, ta lại xá ta; Đắc ý trong lòng, Cười riêng ha hả! Công danh chẳng trọng, Phú quý chẳng màng; Tần Hán xưa kia, Xem đà nhàn hạ. Yên bề phận khó, Kiếm chốn dưỡng thân; Khuất tịch non cao, Náu mình sơn dã...*

Với tư cách của Sơ Tổ và các vua nhà Trần đều rập khuôn nhau. Khi đất nước bị xâm lăng thì nhiệt tình cầm quân đuổi giặc, khi đất nước thanh bình thì quyết chí tu hành. Đây là một nét đặc thù của Phật giáo đời Trần.

* Một vinh dự lớn cho Phật giáo Việt Nam được một ông vua đi tu. Ở Ấn Độ có ông hoàng thái tử đi tu

được thành Phật. Ở Việt Nam có ông vua đi tu được thành Tổ. Quả là một hãnh diện lớn lao cho Phật giáo Việt Nam, thế mà Phật tử Việt Nam ít ai quan tâm.

Giáo pháp do đức Phật giảng dạy chủ yếu là giác ngộ và từ bi. Người tu Phật sẽ được bớt khổ trong đời này và an lạc ở đời sau, hoặc đời này giác ngộ mai kia sẽ giải thoát sanh tử. Nên nói đạo Phật cứu khổ chúng sanh.

Chư tổ sau này cũng lập lại lời Phật dạy để nhắc nhở chúng ta tu hành cốt mở sáng trí tuệ. Đức Phật là vầng sáng của đại đấng, chư tổ là những ngọn đuốc, cây đèn mỗi từ ánh sáng đại đấng của Phật đem soi sáng cho chúng sanh bớt u tối. Vì vậy tổ chỉ là người tiếp nối ngọn đèn của Phật, chứ không phải là người thấp sáng ngọn đèn đầu tiên.

Vua Trần Nhân Tông sau khi lên núi Yên Tử xuất gia tu hành, ngài lấy hiệu là Trúc Lâm Đại Đầu-đà, dứt khoát không còn bận tâm đến việc thế tục. Trong bài Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca có đoạn: ... *Dem mình nấu tới, Cảnh vắng ngàn kia; Dốc chí tu hành, Giấy sôi vó vá. Lành người chẳng chớ, Dữ người chẳng hay; Ngậm miệng đắp tai, Hề chi họa cả...* Qua năm năm (1299-1304) ngài ngộ đạo, bèn xuống núi làm Phật sự. Ngài dạy dân chúng thọ Tam quy, trì Ngũ giới, tu Thập thiện để hiện đời an vui hạnh phúc, mai kia sẽ hưởng an lạc lâu dài; đây là xây dựng thế gian. Nếu người có chí cao siêu, ngài dạy tu thiền định để được giác ngộ giải thoát sanh tử; đây là pháp tu xuất

thế gian. Hai pháp tu này rất cụ thể thực tế, không có gì mơ hồ huyền hoặc.

Những phần trên đây là lý do chúng tôi quyết tâm ***khôi phục Phật giáo Thiên tông đời Trần.***

* Hôm nay chúng tôi và toàn thể tăng ni, Phật tử có mặt ở đây đều hân hoan vô hạn, được chính quyền các cấp và Ban Quản lý di tích Yên Tử cho phép làm lễ Đặt đá Xây dựng lại chùa Lân, đồng thời chuyển thành thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Sự đóng góp nhỏ bé của chúng tôi đối với quần thể khu Di tích Yên Tử thật không có gì đáng kể. Song chúng tôi rất vui mừng, vì được góp một phần nhỏ xây dựng lại chốn Tổ. Là một con người Việt Nam, hơn nữa là Phật tử Việt Nam, chúng ta làm sao dám quên công ơn gìn giữ đất nước và ân đức truyền bá chánh pháp của Tổ tiên mình, của các bậc long tượng “truyền đăng tục diệm” đến ngày nay.

Chúng tôi càng hoan hỷ bội phần, vì bao năm nay, thâm lặng chỉ dạy tăng ni và Phật tử tu theo đường lối của Tam Tổ Trúc Lâm, hay nói khác hơn, cố tình khôi phục Thiên tông đời Trần mà không có mấy người quan tâm. Đến ngày này, chúng tôi được công khai trình bày chủ trương đường lối tu hành và ước nguyện của mình trước chính quyền các cấp, đồng đảo giới trí thức, toàn thể Phật tử tại nơi đất Tổ này. Đồng thời chúng tôi còn có một cơ sở tu thiền theo phái Trúc Lâm Yên Tử hiện diện mãi nơi này. Từ đây, những ai muốn nghiên cứu phái thiền Trúc Lâm Yên Tử, chúng tôi sẽ có phương tiện cung cấp và hướng dẫn

nghiên cứu tu tập. Quả đây là phúc duyên lớn giúp chúng tôi làm tròn bản nguyện của mình.

Trước khi dứt lời, chúng tôi chân thành biết ơn quý vị có mặt hôm nay, sự có mặt của quý vị làm tăng thêm phần long trọng buổi lễ.

Kính chào quý vị.



**DIỄN VĂN KHAI MẠC
LỄ KHÁNH THÀNH
CHÙA LÂN - THIỀN VIỆN TRÚC LÂM YÊN TỬ**

Ngày 11 tháng 11 năm Nhâm Ngọ (14-12-2002)

Kính thưa quý vị,

Hôm nay là ngày vui nhất của tăng ni Phật tử chúng tôi, được quý Hòa thượng, quý Thượng tọa lãnh đạo Giáo hội, cùng quý quan khách trong các Bộ, các Sở, các ngành và Phật tử xa gần đồng đến dự lễ Khánh thành chùa Lân - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử do chúng tôi được phép xây dựng. Thật là một vinh dự lớn lao của chúng tôi.

Chùa Lân - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử xây dựng trong ba tháng là xong, là nhờ sự giúp đỡ của chính quyền tỉnh Quảng Ninh, chính quyền thị xã Uông Bí và chính quyền sở tại; đồng thời được nhiệt tình ủng hộ của Cục Bảo tàng bảo tồn, Ban Di tích Yên Tử thường xuyên

hướng dẫn chỉ bảo cho chúng tôi. Lại được sự góp công góp của, toàn thể Phật tử gần xa, cùng các chú thợ, các anh em nhân công đều cất lực, một lòng một dạ gắng sức làm ngày làm đêm mới được kết quả như thế này.

Thưa quý vị,

Chúng tôi chủ trương khôi phục Thiên tông đời Trần với mục đích gì?

Bởi Phật giáo Thiên tông Việt Nam có vị trí rất vững mạnh so với Phật giáo Thiên tông của các nước Phật giáo bạn, như Thiên tông Ấn Độ, Thiên tông Trung Hoa, Thiên tông Nhật Bản... Cụ thể là:

Thiên tông Ấn Độ: Trực chỉ, siêu lý giải. Thiên tông Trung Hoa: Trực chỉ, táo bạo. Thiên tông Nhật Bản: Trực chỉ, nghệ thuật và thông tục. Thiên tông Việt Nam: Trực chỉ, thi vị và tùy cơ.

Thiên tông Ấn Độ: Trực chỉ, siêu lý giải là sao?

Ngài A-nan hỏi tổ Ca-diếp: “Thế Tôn ngoài truyền y bát, còn truyền cái gì cho Sư huynh không?” Tổ Ca-diếp liền gọi: “A-nan!” A-nan: “Dạ!” Bảo: “Cây phước trước chùa ngã.” Ngài A-nan liền ngộ. Đây là trực chỉ.

Lại, tổ Bồ-đề-đạt-ma sau khi nhận ngài Huệ Khả làm đệ tử, Huệ Khả hỏi: “Bạch Hòa thượng, tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm.” Tổ nhìn thẳng mặt ngài bảo: “Đem tâm ra ta an cho!” Huệ Khả xoay lại tìm tâm không thấy, thưa: “Con tìm tâm không được.” Tổ bảo: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi.” Ngài Huệ Khả liền biết lối vào. Đây là siêu lý giải.

Thiền tông Trung Hoa: Trực chỉ, táo bạo.

Thiền sư Đúc Sơn mỗi khi có người hỏi bất cứ câu nào đều đập một gậy, nói: “Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.” Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền có người hỏi liền hét một tiếng!... Đây là trực chỉ, song rất táo bạo.

Thiền tông Nhật Bản: Trực chỉ, nghệ thuật và thông tục.

Thiền sư Nhật Bản thích tạo Vườn thiền, Trà thiền hay Trà đạo... Vườn thiền là thu gọn thiên nhiên vào một khung cảnh nhất định, như những khối đá, gò núi, cội tùng, khóm hoa, lùm trúc, cây cầu bắc ngang dòng suối, con đường trải sỏi..., để nói lên thiên nhiên thâm lặng tịch tĩnh không lời, người đi vào vườn tâm tư yên tĩnh hòa nhịp với thiên nhiên, chính đây là Thiền.

Trà đạo là những người bạn đồng tu cùng đến uống trà trong không khí yên tĩnh thâm lặng, súc bình, chế trà, dọn chung đĩa, bỏ trà vào bình, rót trà vào chung, bưng chung trà lên uống, mọi hành động đều trong thâm lặng, nhẹ nhàng, thanh thoát mà vô ngôn. Chính đây là đồng nghĩa với thiền sư Tùng Thắm ở Triệu Châu - Trung Hoa, mời khách “Uống trà đi.” Vườn thiền, uống trà đều là nghệ thuật.

Người Nhật lại phổ thiền vào các ngành nghề, như Nhu đạo là đánh võ, Kiếm đạo là đánh kiếm... Đây là Thiền thông tục.

Thiền tông Việt Nam: Trục chỉ, thi vị, tùy cơ.

Vua Lý Thái Tông hỏi thiền sư Thiên Lão:

- Hòa thượng trụ núi này được bao lâu?

Sư đáp:

*Đản tri kim nhật nguyệt
Thùy thức cữu xuân thu.*

Dịch:

*Chỉ biết ngày tháng này
Ai rành xuân thu trước.*

Vua hỏi: - Hằng ngày Hòa thượng làm gì?

Sư đáp:

*Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.*

Dịch:

*Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác
Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.*

Đây là dùng thi văn để chỉ thẳng (trục chỉ) chỗ tốt cùng của người tu thiền. Thiền sư không vướng mắc thời gian, không giới hạn không gian. Ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm, tâm cảnh hòa nhịp, trong không gian bao la không giới hạn.

Có người hỏi Sơ tổ Trúc Lâm:

- Thế nào là gia phong của Hòa thượng?

Tổ đáp:

*Áo rách che mây, sáng ăn cháo,
Bình xưa tưới nguyệt, tối uống trà.*

Gia phong của ngài là thân mặc áo rách, sáng ăn cháo, trưa ăn cơm. Công tác là xách bình đi tưới cây, tối ngồi uống trà. Quả là “Bình thường tâm thị đạo.” Nếp sống của ngài đúng với ý nghĩa đơn sơ đạm bạc, nên tự xưng Hương Vân Đại Đầu-đà, hay Trúc Lâm Đại Đầu-đà. Chữ Đầu-đà là tiếng Phạn, dịch nghĩa là khổ hạnh. Những đối đáp như trên là trực chỉ, thi vị.

Các tổ Thiên tông đời Trần vì thấy căn cơ người dân đa số quê dốt, không thể dùng Thiên tông chỉ thẳng được, nên mượn pháp môn Tịnh độ dạy họ tu. Song Tịnh độ ở đây là lý Tịnh độ. Trong bài phú Cư Trần Lạc Đạo của Thượng hoàng Trần Nhân Tông có đoạn nói:

*... Tịnh độ là lòng trong sạch,
Chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương.
Di-đà là tánh sáng soi,
Mưa phải nhọc tìm về Cực lạc.*

Nương câu hồng danh đức Phật A-di-đà, chuyên tâm trì niệm, tâm được yên lặng là Tịnh độ. Tâm lặng thì Phật tánh hiển lộ, là thấy Phật A-di-đà. Nên nói “Tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ.”

Người dân quê còn tin sự linh ứng mầu nhiệm của quỷ thần, thiên sư đời Trần dạy họ trì chú để trừ tà ếm quỷ và nhờ thần lực của chú để cúng đàn giải oan... Đây là tùy cơ. Tuy có Tịnh, Mật đồng tu, song Thiên tông đóng vai chủ đạo. Thế là Thiên tông lãnh đạo Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ XVIII, mới bị lãng quên.

Tại sao Thiên tông bị chôn sâu vào quên lãng?

Từ khi vua Gia Long thống nhất đất nước, lập ra triều đình nhà Nguyễn (1802), triều đình này học theo tổ chức triều đình nhà Thanh, từ hành chánh, quân sự, ngoại giao... đều rập khuôn theo nhà Thanh. Có lẽ Phật giáo Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng rập khuôn này.

Quyển Nhị Thời Khóa tụng do các nhà sư Trung Hoa soạn thảo, dưới sự hướng dẫn của vua Khang Hy nhà Thanh được truyền vào Việt Nam một cách ào ạt. Các tự viện từ Bắc chí Nam đều lấy Nhị thời khóa tụng làm công khóa tu hành. Nhị thời khóa tụng là sáng sớm trì chú Lăng-nghiêm hoặc Đại Bi thập chú, chiều tụng kinh Di-đà và niệm Phật. Đây là tu Tịnh Mật song hành. Tịnh độ tông lấy Tín Hạnh Nguyện làm căn bản, Mật tông lấy thần lực linh thiêng làm tiêu chuẩn. Ngang đây Thiên tông Việt Nam bị loại khỏi các tự viện Phật giáo Việt Nam. Phật giáo Việt Nam từ đây trở thành tôn giáo thuần túy tín ngưỡng. Đã thuần túy tín ngưỡng thì dễ rơi vào mê tín dị đoan. Đây là điều không thể tránh khỏi. Phật sự của tu sĩ chỉ là cúng kính cầu nguyện. Vì thế, hiện nay người đời thường gán cho tu sĩ những từ: Thầy chùa, Thầy cúng, Thầy đám, còn tệ hại hơn là Nghề thầy chùa.

Đạo Phật là đạo giác ngộ, Phật giáo là giáo lý giác ngộ.

Nếu tu sĩ đạo Phật mà không biết giác ngộ là gì, Phật giáo là gì, mà chỉ dạy tụng cúng, ấn chú để xua tà đuổi quỷ thì còn gì là đạo Phật? Chính đây là nỗi

đau xót của chúng tôi. Khát vọng đem Thiên tông vào tự viện của Phật giáo Việt Nam, để mở toang cánh cửa giác ngộ mà hơn trăm năm nay bị đóng kín, đây là mục đích duy nhất của chúng tôi.

Thiên tông đã bị băng giá ngót hai thế kỷ, nay chúng tôi cố gắng nhen nhóm lại ngọn lửa giác ngộ của Thiên tông vừa mới cháy le lói yếu ớt, chỉ cần một làn gió nhẹ thổi qua cũng đủ tắt ngấm. Chúng tôi hy vọng những vị có mặt hôm nay và những người vắng mặt, sẽ là người tri kỷ của chúng tôi, hoặc là những người có nhận định chín chắn phân biệt rõ chánh tà, để cùng góp lời góp sức làm việc hộ pháp “Tồi tà phụ chánh”. Quý vị sẽ là những tấm màn chắn gió, che chở bao bọc cho ngọn lửa Thiên tông giác ngộ yếu ớt này dần dần được sáng tỏ.

Chúng tôi chân thành biết ơn quý vị.

Chúc quý vị thân thể an Khang, trí tuệ sáng suốt.

Kính chào quý vị!



